

www.saigontel.com

Báo cáo thường niên 2010

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn



SAIGON **TEL**

Mục lục



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
TỔNG QUAN	7
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	29
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	35
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	45
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN NĂM 2010	47
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	51
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	61
TRÁCH NHIỆM SAIGONTEL VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG TRONG NĂM 2010	66
PHỤ LỤC	69



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư,

Năm 2010 vừa qua, nền kinh tế Việt Nam với những chuyển biến tích cực đã đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia thu nhập trung bình. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới chưa thật ổn định, Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: lạm phát, thâm hụt cán cân thương mại và sự mất giá của đồng tiền Việt Nam. Đây là những thách thức không nhỏ đối với tất cả doanh nghiệp nói chung và với doanh nghiệp ngoài quốc doanh nói riêng. Song, với quyết tâm và những bước đi vững chắc, Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - SAIGONTEL đã và đang vượt qua được giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế một cách đáng tự hào và tiếp tục có những hướng phát triển mới đầy triển vọng trong tương lai, đóng góp tích cực vào việc thực hiện chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước.

SAIGONTEL, với sự hậu thuẫn vững chắc từ Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI) – một trong những tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao hiện nay - đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và truyền thông với hình ảnh của một công ty cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền thông và dịch vụ ICT chuyên nghiệp, có quy mô lớn và tốc độ tăng trưởng ổn định trong nhiều năm qua.

Năm 2010 cũng là năm ghi nhận những nỗ lực không ngừng của SAIGONTEL với các giải thưởng giá trị. Theo xếp hạng của FAST500, SAIGONTEL đã vinh dự có mặt trong top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2010. Bên cạnh đó, SAIGONTEL đã đạt giải Sao Vàng Đất Việt, giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán Uy tín 2010 và danh hiệu Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010. Có được những kết quả trên là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và sự dày dạn kinh nghiệm, đoàn kết, nhiệt tình của đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Với chính sách đổi mới của Nhà nước dành cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong việc cho phép đầu tư và khai thác hạ tầng viễn thông, năm 2011 và những năm tiếp theo, sẽ mở ra một thị trường đầy tiềm năng trong ngành viễn thông. Trước thuận lợi đó, SAIGONTEL đang hướng tới việc nghiên cứu M&A một doanh nghiệp viễn thông nhằm mở ra một hướng phát triển mới trong lĩnh vực đang thu hút nhiều doanh nghiệp hiện nay.

Năm 2011 sẽ là năm hứa hẹn đạt được nhiều thành công trong việc mở rộng các hoạt động kinh doanh trong ngành viễn thông. Năm bắt xu hướng này, SAIGONTEL hướng tới đẩy mạnh đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh cũng như tham gia vào lĩnh vực phân phối thiết bị cầm tay chất lượng cao trong ngành viễn thông. Bên cạnh đó, SAIGONTEL cũng tiếp tục tập trung phát triển trong lĩnh vực nội dung số, là lĩnh vực đang được mọi đối tượng khách hàng quan tâm hiện nay.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, tín nhiệm của các Quý cổ đông và các nhà đầu tư trong và ngoài nước và tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, sát cánh cùng quý vị trong tương lai. Đồng thời, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể cán bộ, nhân viên của SAIGONTEL, đã luôn nỗ lực lao động, sáng tạo hết mình vì sự phát triển lâu dài và bền vững của SAIGONTEL trong suốt những năm vừa qua.

Trân trọng cảm ơn.

**Chủ tịch HĐQT
ĐẶNG THÀNH TÂM**



TỔNG QUAN

Quá trình thành lập và hoạt động của Công ty SAIGONTEL	9
Các ngành nghề kinh doanh	15
Tình hình hoạt động chung năm 2010	15
Định hướng phát triển	17

The logo for SAIGON TEL, featuring the word "SAIGON" in a bold, sans-serif font above the word "TEL" in a larger, bold, sans-serif font. Three horizontal lines are positioned between the two words, extending from the left side of "SAIGON" to the right side of "TEL".

SAIGON
TEL

A full-page background image showing a view of Earth from space. The Earth's horizon is visible, with a bright sun rising or setting behind it, creating a lens flare effect. The sky is dark blue with many stars.

sự khởi đầu
của công nghệ đỉnh cao



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Tên tiếng Anh	: SAIGON TELECOMMUNICATION & TECHNOLOGIES CORP.
Tên viết tắt	: SAIGONTEL
Mã chứng khoán	: SGT
Giấy Chứng nhận ĐKKD số:	41030000992
Trụ sở văn phòng	: Lô 46, Công viên Phần mềm Quang Trung, Q.12, Tp. HCM
Tel	: (84.8) 3715 9909
Fax	: (84.8) 5437 1074

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn - thành viên của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (Saigon Invest Group) - chính thức được thành lập vào ngày 14/05/2002 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, hoạt động trong các lĩnh vực ngành nghề then chốt như: đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng khu ICT, cung cấp dịch vụ viễn thông, CNTT và truyền thông, tư vấn giải pháp tổng thể cho các doanh nghiệp, phân phối thiết bị viễn thông, CNTT. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 740 tỷ đồng.



Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (Saigon Invest Group) là một trong những Tập đoàn công chứng đa năng hàng đầu, điển hình của chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Việt Nam trong quá trình đổi mới và là Tập đoàn thành công nhất trong lĩnh vực đầu tư và quản lý đa ngành tại Việt Nam hiện nay như: ngân hàng, đào tạo dạy nghề, kinh doanh dịch vụ các khu công nghiệp và khu chế xuất, công nghệ thông tin và truyền thông...

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển không ngừng, bên cạnh những thành công cùng với những khó khăn nhất định do chịu ảnh hưởng của tình hình kinh tế nói chung nhưng SAIGONTEL vẫn kiên định giữ vững sức mạnh tài chính, đẩy mạnh phát triển một cách ổn định trên những lĩnh vực ngành nghề then chốt của mình.

LỊCH SỬ 9 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAIGONTEL

2002

Ngày 14/05/2002, SAIGONTEL được thành lập và chính thức hoạt động với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Năm rõ được những định hướng phát triển trong tương lai sẽ là một ngọn sóng đi đầu trong ngành viễn thông, CNTT tại Việt Nam, ngay sau khi thành lập, SAIGONTEL đã chính thức cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao ở Khu Công nghiệp Tân Tạo và Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP).



2006

Năm 2006, SAIGONTEL liên kết với Đại học Hùng Vương thành lập Viện Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và khai giảng khóa huấn luyện nguồn nhân lực CNTT đầu tiên cho thị trường Nhật.



2004

Năm 2004, Công ty thắng thầu Dự án Tích hợp hệ thống (SI) lớn đầu tiên: "Nâng cấp và mở rộng hệ thống VoIP 171" cho Công ty Điện toán Truyền Số liệu VDC và bắt đầu phát triển phần mềm.

2005

Trong năm 2005, Công ty chính thức được Bộ Bưu chính Viễn thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông ISP (Dịch vụ truy cập Internet).



2007

Tháng 01/2007, SAIGONTEL trở thành cổ đông sáng lập (chiếm 7% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ cao TP.HCM.

Tháng 02/2007, SAIGONTEL chính thức kinh doanh Game Online trên thị trường Việt Nam với Game trực tuyến đầu tiên Shaiya.

Đến tháng 03/2007, SAIGONTEL đã ký Biên bản ghi nhớ thành lập liên doanh đầu tư với Tập đoàn Teco (Đài Loan) xây dựng Thuthiem Software Park tại TP.HCM với vốn đầu tư lên đến 1,2 tỷ USD và trở thành nhà đầu tư đầu tiên tại khu đô thị mới Thủ Thiêm.

2008

Năm 2008, SAIGONTEL tham gia thành lập và giữ trên 50% cổ phần của các Công ty như Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - SaigonTel, mở ra ngành nghề kinh doanh mới khai thác kênh truyền hình quảng bá và Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina - mở ra ngành nghề mới khai thác kênh truyền hình quảng bá và đầu tư, quản lý, khai thác cao ốc.

Ngày 18/01/2008, SAIGONTEL đã chính thức niêm yết 45 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM với mã chứng khoán SGT.



2011

Tính đến nay, sau hơn 9 năm phát triển không ngừng, SAIGONTEL liên tục cho thấy tiềm lực phát triển mạnh mẽ để trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực viễn thông - CNTT và các ngành có liên quan. Trong nhiều năm liền, SAIGONTEL vinh dự lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500) và cũng là một trong số 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam theo bình chọn của Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo Vietnamnet. Công ty cũng đạt danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt của giải thưởng uy tín Sao Vàng Đất Việt, đạt giải thưởng Thương hiệu mạnh và một số giải thưởng uy tín khác.



NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2010

Ngày 02/09/2010, ngay trong lần đầu tiên tham gia Sao Vàng Đất Việt dành cho nhóm ngành Tin học - Viễn thông, SAIGONTEL đã nhận được sự đánh giá cao của Hội đồng Thẩm định cùng Hội đồng chung tuyển và chính thức trở thành một trong 200 Sao Vàng Đất Việt năm 2010. Kết quả bình chọn cũng đưa đến cho SAIGONTEL danh hiệu TOP 100 thương hiệu tiêu biểu Việt Nam.

Ngày 12/09/2010, SAIGONTEL đạt giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2010”. Giải thưởng vinh danh 100 công ty niêm yết hàng đầu trên sàn chứng khoán Việt Nam, đây là lần thứ 2 liên tiếp Công ty đạt được giải thưởng uy tín này.

Theo công bố của Bảng xếp hạng FAST500, SAIGONTEL đã vinh dự có mặt trong Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2010. FAST500 là Bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, lần đầu tiên được đồng công bố bởi

Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet. Bảng xếp hạng vinh danh các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn hoạt động.

SAIGONTEL vinh dự được bầu chọn là một trong số 120 doanh nghiệp dẫn đầu và là thương hiệu mạnh tại Việt Nam trong Lễ trao giải “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2010” diễn ra tại Nhà hát lớn Hà Nội. Đây là giải thưởng thường niên do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp cùng Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức. Sau 7 năm triển khai, giải thưởng này đã thu hút trên 3.000 doanh nghiệp đại diện cho các ngành, hàng trong cả nước tham gia; trong số đó có 120 doanh nghiệp được đánh giá là những thương hiệu Việt mạnh nhất, được đông đảo bạn đọc Thời báo Kinh tế Việt Nam, người tiêu dùng bình chọn và tôn vinh.



CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Qua 9 năm hoạt động phát triển không ngừng, SAIGONTEL luôn chứng minh là một doanh nghiệp cổ phần lớn hoạt động rộng trong nhiều ngành nghề, nhưng đặc biệt tất cả sản phẩm, dịch vụ kinh doanh của Công ty đều liên quan đến lĩnh vực công nghệ, viễn thông và CNTT với các ngành nghề chính như:

- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng như khu Công nghệ thông tin và Truyền thông ICT (Information and Communications Technology), khu công nghiệp Công nghệ cao, khu công viên phần mềm, cao ốc thông minh trên toàn quốc...
- Cung cấp dịch vụ truy nhập Internet và các dịch vụ gia tăng trên nền Internet;
- Cung cấp dịch vụ trực tuyến như trò chơi trực tuyến (Game Online), thanh toán trực tuyến phục vụ thương mại điện tử;
- Kinh doanh phân phối sản phẩm viễn thông, CNTT (thiết bị viễn thông, CNTT, phân phối thẻ pre-paid, thẻ SIM);
- Hiện tại SAIGONTEL đang trong quá trình nghiên cứu và sớm phát triển trong thời gian tới về cung cấp dịch vụ truyền thông truyền hình, khai thác kênh truyền hình quảng bá.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHUNG NĂM 2010

Năm 2010, nền kinh tế thế giới đã bắt đầu vượt qua suy thoái nhưng cũng không tránh khỏi những diễn biến phức tạp từ hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, trong bối cảnh chung đó, ngành viễn thông lại cho thấy những bước phát triển mạnh mẽ khi doanh thu tăng mạnh trong năm vừa qua. Đây là một động lực thúc đẩy mạnh mẽ cho viễn thông nói riêng và CNTT nói chung tiếp tục phát triển và tiến xa hơn nữa trong những năm sắp tới theo định hướng của Công ty. Bên cạnh đó, các dịch vụ mới của Công ty đã hoàn tất nghiên cứu, khả thi nhưng chưa chính thức triển khai quy mô lớn vì đang chờ thị trường phục hồi. Riêng đối với các hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng ICT thì Công ty chú trọng việc xây dựng hạ tầng để chào đón nhà đầu tư quay trở lại. Trước tình hình đó, dưới sự dẫn dắt của Hội đồng Quản Trị, sự nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty cũng đã đạt được những kết quả tương đối hết sức khả quan với **doanh thu đạt gần 406 tỷ đồng** và **lợi nhuận trước thuế đạt gần 37 tỷ đồng**.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn trong năm 2011

Trong năm 2010, mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng còn nhiều diễn biến phức tạp nhưng nhìn chung, tình hình kinh tế phát triển theo chiều hướng tích cực.

Từ ngày 01/07/2010, khi Luật Viễn thông có hiệu lực đã tạo hành lang pháp lý mới cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong việc đầu tư và kinh doanh hạ tầng viễn thông. Chính điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho SAIGONTEL trong việc tập trung đầu tư và phát triển kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông. Đây cũng chính là định hướng của Công ty trong năm 2011. Cùng với khả năng tài chính mạnh và nền tảng phát triển trong lĩnh vực viễn thông, CNTT và truyền thông, SAIGONTEL đã thu hút được nhiều công ty liên kết là chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu công nghiệp, cao ốc trên toàn quốc. Trên cơ sở pháp lý này đã mở ra hướng đầu tư, kinh doanh mới cho Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ xem xét và nghiên cứu về việc M&A (Mergers and Acquisitions - Sáp nhập và Thâu tóm) một doanh nghiệp viễn thông nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển trong lĩnh vực mới. Đồng thời, Công ty cũng mạnh dạn tham gia vào lĩnh vực nội dung số và lĩnh vực phân phối thiết bị cầm tay chất lượng cao trong ngành viễn thông, tìm cơ hội mở rộng liên doanh với các đối tác hàng đầu thế giới.

Với những định hướng này, Công ty hy vọng sẽ tiếp tục phát triển và nắm bắt nhanh chóng tất cả các cơ hội có được, quyết tâm sẽ đáp ứng nhanh nhất và tốt nhất các nhu cầu của các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng về các sản phẩm cũng như dịch vụ về viễn thông, truyền thông.

Các mục tiêu chủ yếu của công ty trong năm 2011

Phấn đấu kiên định hướng phát triển trong năm 2011 tiếp tục là công ty dẫn đầu trong công nghệ viễn thông, truyền thông ở Việt Nam. Vì vậy, Công ty quyết định đưa ra các chỉ tiêu chính như dưới đây:

- **Vốn điều lệ** : **740** tỷ VNĐ
- **Doanh thu** : **160** tỷ VNĐ, giảm **60%** so với năm 2010
- **Lợi nhuận sau thuế** : **35** tỷ VNĐ, tăng **10%** so với năm 2010

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với sứ mệnh trở thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực viễn thông – CNTT ở Việt Nam, SAIGONTEL luôn xây dựng các chiến lược trung và dài hạn. Đó là việc tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo lợi nhuận ổn định như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu ICT, khu Công nghệ Science Park.

Bên cạnh đó, Công ty đang đầu tư và triển khai các dự án hạ tầng viễn thông hiện đại trên cả nước, đặc biệt tập trung vào các khu công nghiệp, khu tập trung do Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn quản lý để vừa nâng cao hình ảnh của Công ty, vừa nắm lợi thế cạnh tranh để tạo nguồn thu ổn định, lâu dài. Ngoài ra, trong năm 2011, Công ty sẽ chính thức phát sóng và khai thác kênh truyền hình quảng bá nhằm tạo ra các đột biến về doanh số lợi nhuận và thể hiện vai trò dẫn đầu của Công ty trong lĩnh vực viễn thông, truyền thông.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhận định tình hình chung năm 2010	20
Tổng quan kết quả hoạt động trong năm 2010	21
Những thay đổi chủ yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh 2010	22
Triển vọng phát triển trong tương lai	25
Kế hoạch, định hướng phát triển trong năm 2011	26



NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2010

Nền kinh tế thế giới bắt đầu sôi động trở lại từ cuối năm 2009, và dần khôi phục nhanh chóng trong năm 2010 mặc dù vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh chung đó, dù nội lực kinh tế vẫn còn chưa mạnh nhưng kinh tế Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng 6,78%, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra (6,5%), có thể nói đây là một chuyển biến tích cực cho nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2010 cũng là năm đầy biến động với việc bùng nổ cơn sốt lãi suất huy động với việc chạy đua tăng lãi suất của các ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh, xử lý nhưng điều này cũng cho thấy vấn đề quản lý vẫn còn chậm, chưa chủ động trong việc dự đoán tình hình và chỉ đạo hướng giải quyết.

Ngoài ra, theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, doanh thu ngành viễn thông - CNTT liên tục tăng mạnh trong năm 2010. Trong đó, tổng doanh thu toàn Tập đoàn Bưu chính Viễn thông ước đạt 101.569 tỷ đồng, tăng gần 22% so với năm 2009, nộp ngân sách nhà nước 7.855 tỷ đồng, tăng 3,2%. Riêng với ngành công nghệ thông tin, tổng doanh thu ước đạt 7,4 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng đạt 20%. Thuê bao Internet băng rộng phát triển mới 533.000 thuê bao, bằng 66% so với năm 2009. Chứng tỏ tiềm năng phát triển của ngành viễn thông – CNTT sẽ còn rất lớn trong những năm tới.

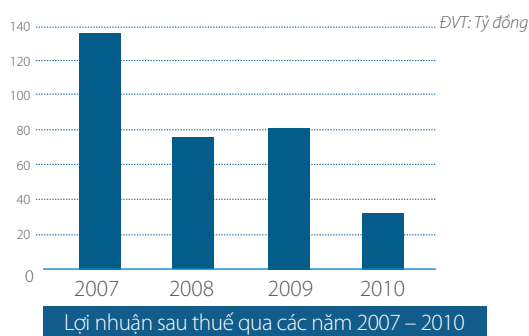
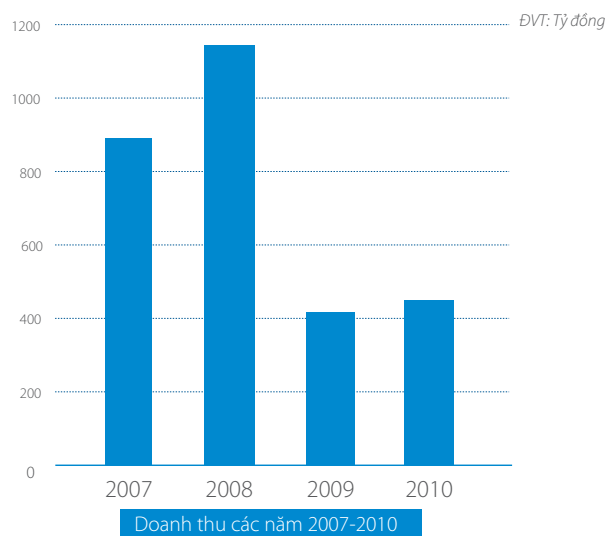
Trước những diễn biến này, các doanh nghiệp luôn chủ động xây dựng chiến lược phát triển phù hợp. Và với những kết quả khả quan đạt được của nền kinh tế trong năm 2010 qua, cùng những chính sách quan tâm của Chính phủ đã giúp cho các doanh nghiệp đạt được những kết quả kinh doanh như mong đợi.



TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2010

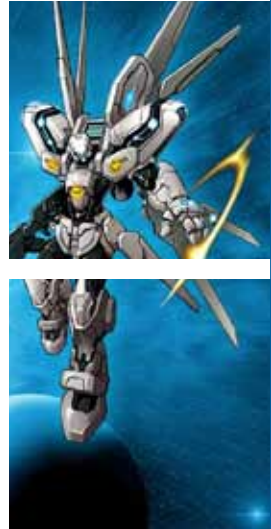
Vào thời điểm 31/12/2010, vốn cổ đông thực góp là 740.019.140.000 VNĐ. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, trong năm 2010, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 672 tỷ lên 740 tỷ VNĐ (số tròn) bằng hình thức chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Tổng tài sản cuối năm tài chính 2010 đạt 2.335.869.837.431 VNĐ bằng 115,75% so với 01/01/2010.

Tổng doanh thu năm 2010 của Công ty là gần 406 tỷ VNĐ, đạt 84,58% kế hoạch và bằng 106,19% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế năm 2010 là 32,4 tỷ VNĐ, đạt gần 37% kế hoạch và bằng 40% so với năm 2009. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu đạt 464 VNĐ.



Các nguyên nhân chính Công ty không đạt được chỉ tiêu tăng trưởng vốn điều lệ và doanh số đề ra là:

- **Thứ nhất**, do khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng đến Công ty và các đối tác lớn trong và ngoài nước nên một số dự án lớn của Công ty không thể triển khai đúng kế hoạch.
- **Thứ hai**, có nhiều nhà cung cấp dịch vụ di động mới tham gia nên trên thị trường diễn ra sự cạnh tranh gay gắt về giá. Doanh số dịch vụ thẻ SIM, thẻ pre-paid của Chi nhánh Tân Tạo suy giảm nghiêm trọng, lợi nhuận không có. Công ty cũng đã chấm dứt hoạt động Chi nhánh từ ngày 31/03/2010 với lý do hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh không hiệu quả. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến doanh số không đạt như kế hoạch đã đề ra.
- **Thứ ba**, trong năm 2010, do chính sách quản lý Game Online được thắt chặt hơn kể từ ngày 09/09/2010, Sở Thông tin - Truyền thông Tp. HCM ban hành hai công văn (số 1144 và 1145/STTTT- BCVT) gửi các doanh nghiệp phát hành trò chơi trực tuyến và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP). Theo đó, các doanh nghiệp phát hành trò chơi trực tuyến ngừng cung cấp trò chơi trực tuyến cho tất cả các đại lý Internet công cộng từ 22 giờ đến 08 giờ hôm sau. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến doanh thu của bộ phận Game Online không đạt được như kỳ vọng so với năm 2009.



NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

Trong năm 2010, SAIGONTEL luôn kiên định phát triển theo phương châm “Luôn luôn thay đổi, luôn luôn tiếp nhận những cái mới”, nhằm mang đến những dịch vụ viễn thông, CNTT và giá trị gia tăng tốt nhất, chất lượng nhất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng.

Ngoài việc tiếp tục các hoạt động kinh doanh như kinh doanh và khai thác cơ sở hạ tầng cao ốc Saigon ICT1 tại Công viên Phần mềm Quang Trung, khu ICT Đại Đồng - Hoàn Sơn, cung cấp dịch vụ Internet, kinh doanh và phân phối sản phẩm viễn thông, Công ty cũng đã chính thức triển khai nhiều cơ sở hạ tầng, sản phẩm, dịch vụ mới như:

- **Cung cấp trò chơi trực tuyến mới:** sau những thành công của các Game Online được phát hành độc quyền bởi SAIGONTEL như Shaiya, Chiến quốc, Robot đại chiến, SAIGONTEL tiếp tục tung ra chính thức hai game với phiên bản đẹp mắt trong năm 2010 là Linh Giới và Thống Lĩnh.

Trong đó, **Linh Giới** là thế giới đầy màu sắc của Thần thoại Hy Lạp với những vị thần tại đỉnh Olympus, những ma thú đầy sức mạnh hay các vị anh hùng với những kỳ công đã đi vào sử sách.

Còn **Thống Lĩnh** là game dựa trên bộ phim hoành tráng cùng tên của điện ảnh Trung Hoa với dàn diễn viên nổi tiếng như Lưu Đức Hoa, Lý Liên Kiệt, Kim Thành Vũ. Lấy bối cảnh về cuộc chiến diễn ra giữa quân nổi dậy Thái Bình Thiên Quốc và đế quốc Thanh Triều, game mang đậm màu sắc võ hiệp cùng với lý tưởng anh hùng và mong muốn thống nhất thiên hạ của những tài năng xuất chúng thời loạn lạc.

- **Triển khai hạ tầng viễn thông:** Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng mạng cáp quang tại KCN Quang Châu, KCN Quế Võ mở rộng.



- **Công ty CP Truyền thông VTC – SaigonTel:** ngày 14/02/2011, kênh truyền hình VTC6 và Saigon Channel đã được phát sóng thử nghiệm với tiêu chí phát sóng chuyên sâu mảng tin Văn hóa - Nghệ thuật, Kinh tế và Hội nhập. Hiện nay, các chương trình đang được khai thác sản xuất dự kiến sẽ được phát sóng chính thức vào đầu tháng 05/2011 với thời lượng 24 giờ mỗi ngày, phủ sóng trên toàn quốc. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống sản xuất chương trình như trường quay, hệ thống hậu kỳ, hệ thống phát sóng tự động... và chuẩn bị nhiều chương trình mới về thông tin kinh tế, văn hóa xã hội.



TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đánh giá tiềm lực của SAIGONTEL trong năm 2011

Mặt tích cực:

Mặc dù xuất hiện sau trên thị trường viễn thông, nhưng với hơn 9 năm hoạt động và phát triển, SAIGONTEL đã nhanh chóng trở thành một trong những công ty có tốc độ phát triển nhanh trong lĩnh vực viễn thông – truyền thông, CNTT ngày nay.

Trong nhiều năm liền SAIGONTEL liên tiếp lọt vào Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Ngoài ra, trong năm 2010, SAIGONTEL được vinh danh nằm trong Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam FAST500 lần đầu tiên được công bố bởi Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và Báo VietNamNet. Đó chính là những nỗ lực không ngừng của một đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm cùng với những định hướng chiến lược đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty và đặc biệt là sự hậu thuẫn vững chắc của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (SGI). Với những ưu thế trên, SAIGONTEL càng tự tin phát huy tối đa những thế mạnh sẵn có của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực CNTT, viễn thông, truyền thông. Với những thuận lợi đó, SAIGONTEL chắc chắn có đủ lòng tin và nội lực để tiếp tục con đường chinh phục thị trường truyền thông, viễn thông Việt Nam và vươn ra thế giới trong một tương lai không xa.

Mặt tiêu cực:

Hoạt động của Công ty trải rộng trên nhiều ngành nên bị phân tán nguồn lực. Đội ngũ nhân sự của Công ty chưa theo kịp tiến độ các dự án. Một số chính sách vĩ mô cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2011

1. Kế hoạch, định hướng năm 2011 khối văn phòng SAIGONTEL

Bộ phận Hành chính – Nhân sự

Hoàn thiện hệ thống thang lương bảng lương theo quy định mới của Pháp luật trên cơ sở đánh giá lại mức độ của từng vị trí công việc, đồng thời vận dụng các chính sách liên quan nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng.

Tiếp tục chương trình chuẩn hóa vị trí nhân sự, tổ chức các khóa học ngắn hạn bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, huấn luyện chuyên môn nâng cao cho nhân sự theo yêu cầu của từng bộ phận.

Xây dựng các chương trình nội bộ bên cạnh các hoạt động hướng ngoại nhằm đẩy mạnh tinh thần làm việc, đoàn kết giữa các nhân viên thuộc các Phòng, Ban trong công ty.

Bộ phận Marketing – Truyền thông

Xây dựng kế hoạch marketing để tiếp tục quảng bá thương hiệu SAIGONTEL.

Khảo sát và đánh giá thị trường để có định hướng chiến lược phù hợp, lâu dài và ổn định.

Triển khai các chương trình duy trì hình ảnh, thương hiệu qua các chương trình, sự kiện với nhiều hình thức phong phú như: tham gia các cuộc thi, bình chọn thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm nhằm khẳng định vị trí và uy tín của thương hiệu SAIGONTEL, tổ chức các sự kiện lớn cho các CB-CNV, khách hàng.

Tổ chức thực hiện các kênh truyền thông hiệu quả, chi phí hợp lý.

Bộ phận Tài chính

Điều hành hoạt động tài chính - kế toán theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt và đầy đủ các chức năng Kế toán Quản trị, Tài chính Doanh nghiệp giúp Ban Điều hành quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Bộ phận Game Online

Tiếp tục hoàn thiện hai trò chơi vừa chính thức được tung ra trong năm 2010 là Linh Giới và Thống Lĩnh. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động quảng bá cho 05 trò chơi đang khai thác trên toàn quốc, tăng các tiện ích cho thẻ game và tiếp tục cải tiến kênh phân phối thẻ nhằm mang đến cho người chơi sự hài lòng cao nhất. Điều này góp phần phát triển ngành Game Online tại Việt Nam bằng những sản phẩm có dịch vụ và chất lượng tốt.

Bộ phận Telecom và ISP

Để nhanh chóng tiến nhanh vào thị trường viễn thông, Công ty nghiên cứu để đầu tư vào một công ty viễn thông, có đầy đủ giấy phép và tài nguyên: đầu số, tần số, hệ thống đài trạm, mạng truyền dẫn, nhân lực...

Ngoài ra, theo thống kê đối với thị trường điện thoại di động tại Việt Nam trong năm 2009, với doanh số nội dung cho mạng di động (mobile contents) đạt được khá ấn tượng là 383.3 triệu USD, chiếm 56% trong tổng doanh số ngành công nghiệp nội dung số (Digital Content Industry) cho thấy sự quyết định đầu tư vào nội dung số phục vụ cho truyền thông và mạng di động là hết sức đúng đắn, hứa hẹn đạt nhiều khả quan.

Bên cạnh đó, bộ phận cũng tập trung vào đầu tư và phân phối thiết bị đầu cuối với các công ty nước ngoài đang giữ vị trí hàng đầu trên thế giới.





2. Kế hoạch, định hướng năm 2011 của các Chi nhánh và Công ty thành viên

Chi nhánh Bắc Ninh

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng Khu ICT Đại Đồng - Hoàn Sơn và hoàn thiện các Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật cho các dự án khác ở khu vực miền Bắc.

Công ty CP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina

Trình hồ sơ lên UBND Thành phố xin chấp thuận chỉ tiêu dự án theo quy mô mới của dự án được Sở QHKT và UBND Quận 4 đồng ý; Ký kết hợp đồng với đơn vị thiết kế, triển khai giai đoạn thiết kế ý tưởng cho đến cơ sở và thuê tư vấn triển khai lập báo cáo đầu tư trình UBND Quận 4 phê duyệt và thẩm định thiết kế cơ sở; Trình Sở Xây Dựng xin giấy phép xây dựng; Mời tư vấn lập nghiên cứu thị trường và phân tích chiến lược kinh doanh của dự án, lập phân tích dòng tài chính và Tổng khái toán dự án; Triển khai thi công cọc thử sau khi có giấy phép xây dựng và chọn tư vấn thiết kế thi công; Và sẽ triển khai thi công cọc và tăng hầm.

Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam

Bắt đầu thi công phần móng và phần thân của Tháp đôi Viễn Đông Meridian 48 tầng, cao nhất khu vực miền Trung.

Công ty CP Truyền thông VTC – SaigonTel (VSM)

Với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, Công ty tiếp tục hoàn thiện xây dựng các chương trình truyền hình với định hướng tổng hợp thông tin kinh tế và giải trí và đi vào sản xuất nội dung. Trong đó, 24 chương trình đang được khai thác sản xuất dự kiến sẽ phát sóng chính thức vào đầu tháng 05/2011 với thời lượng 24 giờ mỗi ngày, phủ sóng trên toàn quốc. Song song đó Công ty còn chú trọng đầu tư vào các hệ thống sản xuất chương trình như trường quay, hệ thống hậu kỳ, hệ thống phát sóng tự động... nhằm tạo nên nhiều chương trình hấp dẫn, phong phú với các thông tin luôn cập nhật từ tin tức đến các chương trình giải trí...



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo tình hình tài chính	30
Những thay đổi về vốn cổ đông	31
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	32

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán

Khả năng sinh lời

Tỷ suất sinh lời	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Doanh thu	%	9,02	22,27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu	%	7,98	21,18
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / TTS (ROA)	%	1,39	4,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / NVCSH (ROE)	%	4,18	10,86

Việc Lợi nhuận sau thuế giảm, chỉ đạt hơn 40% so với năm 2009 ảnh hưởng lớn đến Khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2010. Lợi nhuận sụt giảm làm cho các chỉ số trong Nhóm Chỉ tiêu thể hiện Khả năng sinh lời của Công ty giảm tương ứng so với năm 2009.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,57	1,60
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,19	1,59
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	1,19

Đứng trước những khó khăn khách quan cũng như sự biến động phức tạp của các yếu tố kinh tế vĩ mô. Ban điều hành Công ty vẫn cố gắng nỗ lực để Công ty luôn duy trì được một khả năng thanh toán an toàn và bền vững. Các chỉ tiêu thể hiện khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2010 không biến động nhiều so với năm 2009 và luôn nằm trong phạm vi an toàn.



NHỮNG THAY ĐỔI VỀ VỐN CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Tháng 06/2010, Công ty tiến hành tăng vốn Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm tài chính 2009 thông qua việc chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, nâng tổng số cổ phiếu từ 67.274.998 cổ phiếu lên 74.001.914 cổ phiếu. Trong quá trình phát hành thêm cổ phiếu theo tỷ lệ nêu trên đã làm phát sinh cổ phiếu lẻ, Công ty đã tiến hành mua lại và hủy bỏ 498,5 cổ phiếu lẻ.

Như vậy, tính đến thời điểm 31/12/2010. Công ty đã phát hành và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh 74.001.914 cổ phiếu, trong đó có tổng cộng 310 cổ phiếu đã được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Tính đến ngày 31/12/2010, Công ty có 74.001.604 cổ phiếu đang lưu hành, tất cả số cổ phiếu này đều là cổ phiếu phổ thông.

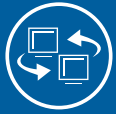
Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại

Hiện tại Công ty chỉ có tổng cộng 310 cổ phiếu quỹ, toàn bộ số cổ phiếu này là cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình phát hành thêm cổ phiếu, được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009, trong năm 2010 Công ty tiến hành chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá. Toàn bộ số cổ phiếu này đã được Công ty phát hành và niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Văn phòng công ty

- Doanh thu : **11.856.696.401 VNĐ**
- Lợi nhuận trước thuế: **8.583.010.128 VNĐ**

Trong năm 2010 vừa qua, Công ty vẫn khai thác Saigon ICT1 tại Công viên Phần mềm Quang Trung (Tp.HCM) với công suất sử dụng mặt bằng đạt trên 70% mặc dù do khủng hoảng kinh tế nên một số khách hàng thu hẹp đầu tư. Công ty cũng đang hoàn thiện thiết kế để trong năm nay sẽ khởi công Cao ốc Saigon ICT2 ở ngay bên cạnh.

Hoạt động kinh doanh Internet tốc độ cao ở các khu công nghiệp VSIP (Bình Dương) và Quế Võ (Đài Đồng Hoàn Sơn, Bắc Ninh), Quang Châu (Bắc Giang) vẫn đang tiến triển tốt đẹp mặc dù có sự cạnh tranh gay gắt của các nhà cung cấp dịch vụ lớn như VNPT, Viettel... Được sự hậu thuẫn của Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn, năm 2010, Công ty đầu tư mạng cáp quang đến từng doanh nghiệp ở KCN Quang Châu và các khu công nghiệp khác, thiết lập thị trường mới, đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm đa dịch vụ cho các doanh nghiệp lớn trong khu vực tiềm năng này.

Bên cạnh đó, nắm bắt được xu hướng thị trường viễn thông, Công ty cũng đã nhanh chóng nghiên cứu để đầu tư vào một công ty viễn thông có đầy đủ giấy phép và tài nguyên như đầu số, tần số, hệ thống đài trạm, mạng truyền dẫn cũng như nhân lực...

Bộ phận Game của Văn phòng Công ty tiếp tục phát triển thị phần Trò chơi trực tuyến bằng 05 game có thể loại khác nhau và đạt ổn định trên 4 triệu người chơi thường xuyên. Năm 2010, Công ty tiếp tục cải thiện và cập nhật lại hai phiên bản Game để đáp ứng kỳ vọng của game thủ trên toàn quốc.

Trong năm 2010, mặc dù ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đã dẫn lắng xuống nhưng tình hình kinh tế vẫn còn diễn biến phức tạp. Do đó, một số hoạt động của Công ty cũng gặp phải một số khó khăn không sinh ra doanh thu nhưng thành quả đạt được là Công ty đã hoàn tất việc nghiên cứu phát triển một số dự án mới về viễn thông, truyền thông, để đầu tư trong thời gian tới.





Chi nhánh Bắc Ninh

- Doanh thu: **53.897.240.225 VNĐ**
- Lợi nhuận trước thuế: **28.876.843.362 VNĐ**

Doanh thu trong năm 2010 của Chi nhánh Bắc Ninh giảm mạnh so với năm 2009, nguyên nhân chủ yếu là do các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn gặp khó khăn nên chưa triển khai mở rộng sản xuất được. Một số nhà đầu tư đã ký Biên bản Ghi nhớ nhưng chưa chính thức đi vào hoạt động.

Chi nhánh Tân Tạo

- Doanh thu: **329.440.890.818 VNĐ**
- Lợi nhuận trước thuế: **928.679.630 VNĐ**

Trên thị trường dịch vụ điện thoại di động hiện nay do xuất hiện một số nhà cung cấp mới như Vietnamobile, Beeline nên đang diễn ra cuộc chiến về giá cước rất khốc liệt dẫn đến giảm doanh thu dịch vụ và tỷ suất lợi nhuận của loại hình kinh doanh này đã không còn sức hấp dẫn. Mặt khác, hiện nay xuất hiện nhiều loại hình mới bán thẻ điện thoại như: trực tuyến, qua ATM... do đó phương thức kinh doanh truyền thống thẻ SIM, thẻ pre-paid của Chi nhánh Tân Tạo gặp nhiều bất lợi. Do đó, để tập trung các nguồn lực cho các hoạt động chính, Hội đồng Quản trị đã quyết định giải thể Chi nhánh Tân Tạo, chấm dứt hoạt động kể từ ngày 31/03/2010.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

Báo cáo của kiểm toán	36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	37
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	41
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	42

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2011 của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và các Công ty con từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - SaigonTel do Công Cổ phần Truyền thông VTC - SaigonTel mới thành lập, đang trong giai đoạn triển khai hoạt động.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN



ĐẬU NGUYỄN LÝ HẰNG
Số chứng chỉ KTV: 1169/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ HỒNG UYÊN
Số chứng chỉ KTV: 0794/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		750.394.666.351	992.650.671.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.436.158.974	449.394.384.803
1. Tiền	111		6.436.158.974	428.234.384.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	21.160.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	39.592.291.667	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		39.592.291.667	-
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3.	510.250.978.944	252.945.146.134
1. Phải thu của khách hàng	131		25.133.304.873	18.675.116.660
2. Trả trước cho người bán	132		84.926.420.094	50.268.504.183
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		400.191.253.977	184.001.525.291
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4.	20.229.663.996	253.245.952.781
1. Hàng tồn kho	141		20.229.663.996	253.245.952.781
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5.	173.885.572.770	37.065.187.989
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.758.049.859	529.427.063
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.196.673.545	30.339.133.762
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.832.237.569	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		151.098.611.797	6.196.627.164
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.585.475.171.080	1.025.392.383.391
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		717.996.584.459	321.695.790.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	40.797.023.733	45.195.661.722
- Nguyên giá	222		55.811.425.041	57.517.333.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.014.401.308)	(12.321.671.876)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	2.440.611	1.270.461.437
- Nguyên giá	228		17.572.610	1.557.922.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.131.999)	(287.461.375)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	677.197.120.115	275.229.667.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9.	13.141.843.980	-
Nguyên giá	241		13.343.642.087	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(201.798.107)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10.	787.862.025.000	662.700.525.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	162.360.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		782.862.025.000	500.340.525.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.12.	12.993.926.989	40.996.067.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.944.728.739	40.287.137.084
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		49.198.250	708.930.554
VI. Lợi thế thương mại	269	V.11.	53.480.790.652	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.335.869.837.431	2.018.043.055.098



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.487.430.511.890	1.258.086.304.941
I. Nợ ngắn hạn	310		629.616.307.226	623.429.678.632
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13.	299.184.817.715	41.969.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.14.	26.184.161.256	348.497.604.344
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15.	20.419.506.660	4.974.410.929
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16.	4.379.171.357	12.341.673.680
5. Phải trả người lao động	315		269.484.622	528.802.091
6. Chi phí phải trả	316	V.17.	243.230.285.772	214.614.910.942
7. Phải trả nội bộ	317	V.18.	-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18.	36.143.115.157	249.364.130
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(194.235.313)	253.912.516
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		857.814.204.664	634.656.626.309
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19.	157.027.092.698	157.160.300.823
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20.	700.179.875.674	476.767.543.545
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.21.	607.236.292	728.781.941
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		775.530.189.324	744.951.927.176
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22.	775.530.189.324	744.951.927.176
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		740.019.140.000	672.749.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.100.000)	(3.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.514.149.324	72.205.047.176
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ			72.909.136.217	15.004.822.981
1. Lợi ích của cổ đồng thiểu số	439		72.909.136.217	15.004.822.981
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.335.869.837.431	2.018.043.055.098

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ĐÃ KÝ)

LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ĐÃ KÝ)

HOÀNG SĨ HÓA



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	405.941.154.836	382.293.107.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		405.941.154.836	382.293.107.505
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	386.023.944.819	296.865.724.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.917.210.017	85.427.382.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	61.390.886.550	15.114.154.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	33.787.813.565	4.056.608.633
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.313.366.580	3.643.292.418
8. Chi phí bán hàng	24		5.853.409	33.789.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5.	10.855.623.950	10.594.618.902
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		36.658.805.643	85.856.519.876
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	26.963.892	943.916.833
12. Chi phí khác	32	VI.7.	88.074.120	1.649.176.837
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(61.110.228)	(705.260.004)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.597.695.415	85.151.259.872
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	4.214.344.386	4.188.469.194
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		32.383.351.029	80.962.790.678
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(20.727.833)	1.755.489
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		32.404.078.862	80.961.035.189
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	464	1.287

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ĐÃ KÝ)

LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ĐÃ KÝ)

HOÀNG SĨ HÓA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.597.695.415	85.151.259.872
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.873.882.254	4.540.083.849
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(613.408.845)	95.031.151
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.535.197.452)	(15.020.900.950)
- Chi phí Lãi vay	06		33.313.366.580	3.643.292.418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.636.337.952	78.408.766.340
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(391.161.231.315)	(148.294.412.376)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		233.016.288.785	(232.347.018.196)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(240.114.848.810)	731.081.693.787
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		22.113.785.549	(16.875.938.495)
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(33.313.366.580)	(3.643.292.418)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.107.537.411)	(10.849.636.524)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		119.976.680.267	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(448.147.829)	(436.246.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(287.402.039.392)	397.043.915.361
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(412.064.835.849)	(90.396.744.571)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		(3.723.874)	228.451.402
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		(377.418.291.667)	(225.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		337.826.000.000	40.000.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(312.932.000.000)	(54.085.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	4.335.212.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		60.535.197.452	15.020.900.950
Tăng lợi ích của cổ đông thiểu số khi hợp nhất công ty con			72.909.136.217	-
Loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số khi thanh lý công ty con		VII.1.c	(15.004.822.981)	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(636.153.340.702)	(310.397.180.219)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3.050.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		546.084.276.573	398.991.161.745
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(65.456.126.729)	(50.417.618.200)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.528.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		480.622.621.844	348.570.493.545
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		(442.932.758.250)	435.217.228.687
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		449.394.384.803	14.177.156.116
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.467.579)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6.436.158.974	449.394.384.803

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ĐÃ KÝ)

LÊ THỊ MỸ HẠNH

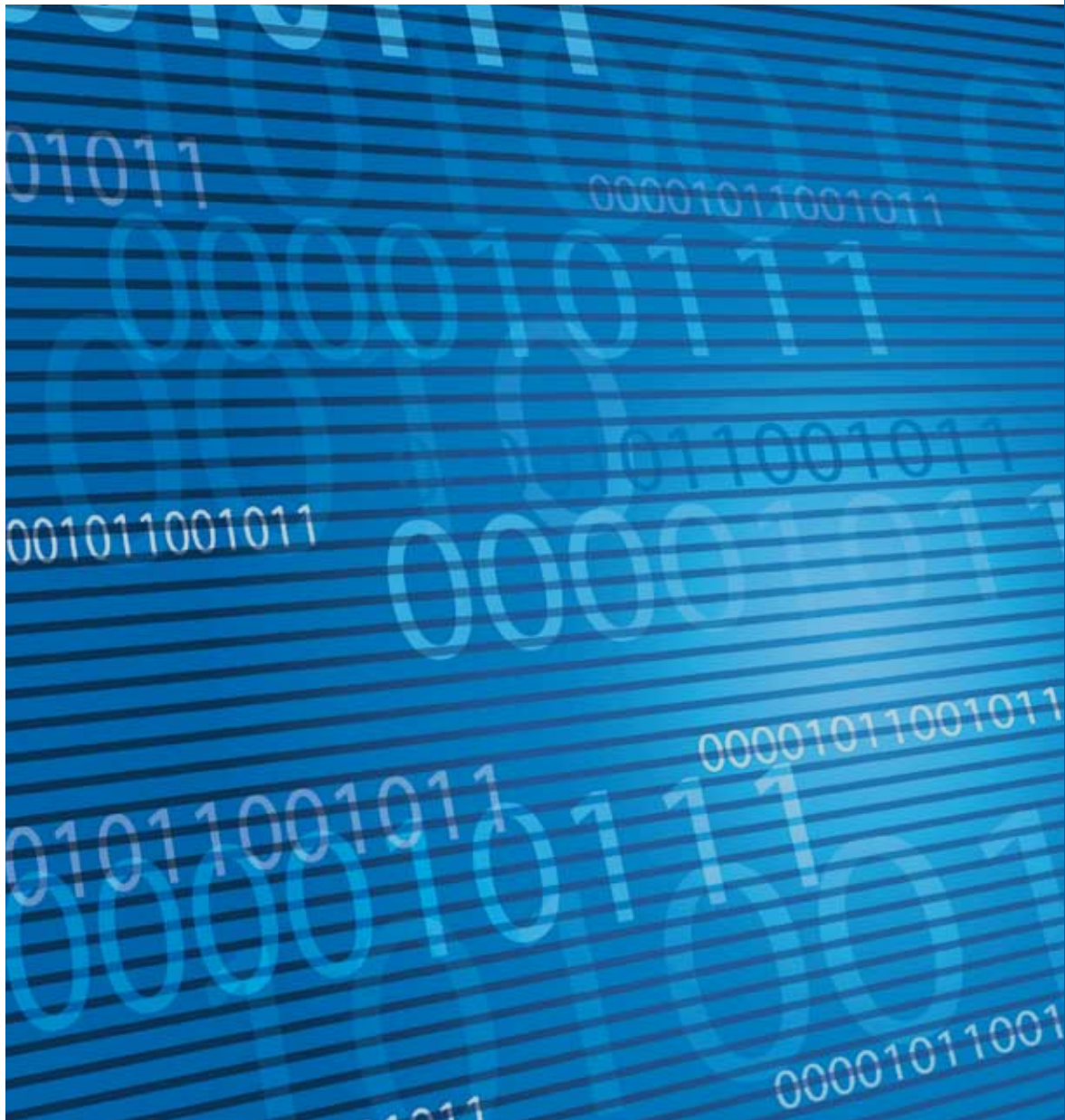
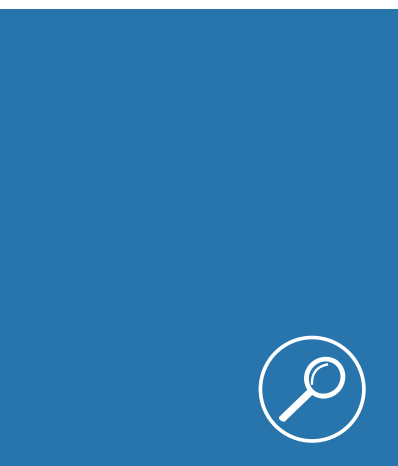
Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ĐÃ KÝ)

HOÀNG SĨ HÓA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem Phụ lục)



BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC)

Địa chỉ : 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 3930 5163

Fax : (84.8) 3930 4281

Email : aisc@aisc.com.vn

Website : www.aisc.com.vn

Ý kiến kiểm toán độc lập:

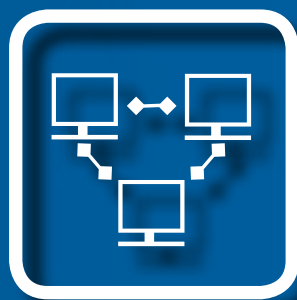
"Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan."

Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): không có

Kiểm toán nội bộ

Ý kiến kiểm toán nội bộ: không có

Các nhận xét đặc biệt: không có



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN NĂM 2010

Công ty nắm giữ trên 50% vốn

Cổ phần / vốn góp của tổ chức, công ty

48

Công ty có trên 50% vốn Cổ phần / vốn góp do tổ chức,
công ty nắm giữ

49

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN NĂM 2010

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn Cổ phần / vốn góp của tổ chức, công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN CỘNG ĐỒNG VIỆT (VIETUNION)

Giấy CNĐKKD số: **4103009071** cấp ngày: **14/01/2008** tại: **TP. HCM**
Địa chỉ: **Tầng 7 & 9, Số 65-65A Đường 3/2, P. 11, Q.10, TP. HCM**
Điện thoại: **(08) 392 92 827** Fax: **(08) 392 92 826**
Website: **www.payoo.com.vn**
Vốn điều lệ: **40 tỷ VNĐ**, trong đó **SAIGONTEL** góp **55%**

Lĩnh vực hoạt động chính: cung cấp các giải pháp hỗ trợ giao dịch điện tử và phương tiện thanh toán trực tuyến.

Tình hình hoạt động:

Trong hơn 2 năm hình thành và phát triển hệ thống thanh toán trực tuyến Ví điện tử Payoo cùng với những thử nghiệm và cố gắng đem lại một hình thức giao dịch mới ở thị trường Việt Nam. Payoo đã có được một chỗ đứng trong lĩnh vực thanh toán trực tuyến ở Việt Nam với Giải thưởng Sao Khuê 2009 cùng danh hiệu Phần mềm ưu việt 4 sao và chính thức nhận chứng chỉ ISO27001 phiên bản 2005 từ TUV Rheinland Nhật Bản thuộc Tổ chức Kiểm định Quốc tế TUV về việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý theo chuẩn quốc tế.

Mặc dù đã có từng bước phát triển và dẫn đi vào ổn định sau hơn 2 năm hình thành nhưng do phần đông người tiêu dùng Việt Nam vẫn chưa sẵn sàng cho việc thanh toán trực tuyến. Vì vậy, Công ty đã đánh giá lại tính hiệu quả của việc đầu tư vào VietUnion và đã chuyển nhượng vốn góp cho cổ đông khác vào ngày 31/03/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VTC - SAIGONTEL (VSM)



Giấy CNĐKKD số: **0103025781**
Cấp ngày: **11/07/2008** tại: **Hà Nội**
Địa chỉ: **34 Phan Đình Phùng, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội**
Điện thoại: **(04) 373 47 147** Fax: **(04) 373 46 891**
Vốn điều lệ: **160 tỷ VNĐ**, trong đó **SAIGONTEL** góp **51%**

Lĩnh vực hoạt động chính: sản xuất chương trình truyền hình, khai thác kênh truyền hình quảng bá, cung cấp các dịch vụ truyền hình, truyền thông.

Tình hình hoạt động:

VSM chuyên sản xuất các chương trình truyền hình phát sóng 24/24 trên một kênh truyền hình quảng bá (Analog Channel), hệ thống truyền hình kỹ thuật số, hệ thống IPTV của VTC với nội dung kênh tập trung thông tin kinh tế trong nước và quốc tế, phân tích tài chính và thị trường chứng khoán, các chương trình giải trí.

Vào ngày 14/02/2011, kênh truyền hình Saigon Chanel - VTC6 đã được phát sóng thử nghiệm với tiêu chí phát sóng chuyên sâu mảng tin Văn hóa - Nghệ thuật; Kinh tế và Hội nhập. Hiện nay, 24 chương trình đang được khai thác sản xuất dự kiến sẽ phát sóng chính thức vào đầu tháng 05/2011 với thời lượng 24 giờ mỗi ngày, phủ sóng trên toàn quốc.

Được biết, hiện nay tổng chi phí quảng cáo trên hệ thống truyền hình Việt Nam ước tính trên 500 triệu USD/năm nên SAIGONTEL kỳ vọng Công ty VSM sẽ mang lại nhiều giá trị gia tăng cho cổ đông Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY VIỄN THÔNG SÀI GÒN VINAGiấy CNĐKKD số: **4103011655**cấp ngày: **30/10/2008**tại: **TP.HCM**Địa chỉ: **300A-B Nguyễn Tất Thành, P. 13, Q. 4, TP. HCM**Vốn điều lệ: **200 tỷ VNĐ**, trong đó SAIGONTEL góp **52%****Lĩnh vực hoạt động chính:** đầu tư và kinh doanh bất động sản.**Tình hình hoạt động:**

Công ty đầu tư, quản lý và khai thác cao ốc Vinatex - SaigonTel, Cao ốc Vinatex - SaigonTel 30 tầng tọa lạc bên bờ sông Sài Gòn và trung tâm Quận 4, trong một khuôn viên rộng 5.300m², có tổng diện tích sàn gần 53.000m² với công năng phức hợp: trung tâm thương mại thời trang, văn phòng cho thuê, căn hộ cao cấp.

Trong năm 2010, Công ty CTCP Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina đã thực hiện được những điều chỉnh quan trọng trong triển khai dự án như cập nhật quy hoạch 1/2000 liên phường và đề xuất trình duyệt phương án điều chỉnh tăng thêm hơn 300m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ. Ngoài ra, UBND Quận 4 và Sở Quy Hoạch Kiến Trúc Tp. HCM đã chấp thuận chủ trương nâng hệ số sử dụng đất từ 8 lên 10; nâng tầng cao từ 25 tầng lên 30 tầng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC VIỄN ĐÔNG VIỆT NAM (VIENDONG LAND)Giấy CNĐKKD số: **3203001701**cấp ngày: **16/11/2007**tại: **TP. Đà Nẵng**Địa chỉ: **38 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng**Vốn điều lệ: **200 tỷ VNĐ**, trong đó SAIGONTEL góp **60%**

Công ty Cổ phần Địa ốc Viễn Đông Việt Nam (Viendong Land) làm chủ đầu tư dự án Tòa tháp đôi Viễn đông Meridian 48 tầng cao nhất miền Trung ở địa chỉ 84 Hùng Vương, TP. Đà Nẵng. Đây là tổ hợp Khách sạn 5 sao, Văn phòng cao cấp hạng A với trên diện tích khuôn viên 11.212 m², tổng vốn đầu tư gần 200 triệu USD.

Viendong Land gồm 03 pháp nhân góp vốn đầu tư là Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Viễn Đông (Vien Dong Corp), Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam (Trung Nam Group) và Công ty CP Viễn Thông Sài Gòn (SAIGONTEL), trong đó SAIGONTEL là cổ đông lớn nhất giữ trên 60% vốn điều lệ.

Trong năm 2010, Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam đã thi công khá nhiều hạng mục quan trọng của Tòa tháp đôi Viễn đông Meridian. Cụ thể đã thi công tường vây, móng cọc và tầng hầm của tòa nhà.

2. Công ty có trên 50% vốn Cổ phần / vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có.



TỔ CHỨC và NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của công ty	52
Thay đổi thành viên HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2010	57
Thay đổi thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng	57
Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2010 và chính sách của Công ty	58

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC BAN QUẢN LÝ ICT

Quang Trung

CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG

Game

Hành chính nhân sự

Kế toán Tài chính

Truyền Thông (Media)

Kinh doanh ICT

Telecoms

Phân phối các thiết bị viễn thông, nội dung (contents)

CÁC CHI NHÁNH

Bắc Ninh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Hà Nội



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Danh sách Hội đồng Quản trị:

1. Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đặng Nhứt	Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Thành viên HĐQT
4. Ông Chung Trí Phong	Thành viên HĐQT
5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT

Danh sách Ban Giám đốc:

1. Ông Hoàng Sĩ Hóa	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Đông	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

Danh sách Ban Kiểm soát:

1. Bà Ngô Thị Phương Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông Lê Chí Cường	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách Kế toán trưởng:

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐẶNG THÀNH TÂM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty từ năm 2002 đến nay. Ông là Kỹ sư Hàng hải, Cử nhân Luật, Cử nhân QTKD và tham gia nhiều khóa học ở nước ngoài dành cho các CEO hàng đầu thế giới. Từ năm 1996 đến năm 2007, Ông là Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Khu công nghiệp Tân Tạo (ITACO). Từ năm 2002 đến nay, Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển Đô thị Kinh Bắc. Từ năm 2006 đến nay, Ông là Chủ tịch Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn (Saigon Invest Group) và là Chủ tịch HĐQT nhiều công ty lớn trong Tập đoàn.

Ngoài ra, Ông còn được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm vào nhiều chức vụ quan trọng: Thành viên Hội đồng Tư vấn kinh doanh APEC, Đồng Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản, Thành viên Hội đồng Tư vấn cao cấp Chương trình Hành động hậu WTO của Chính phủ. Ông Tâm còn là Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM, Chủ tịch Hiệp hội Xây dựng và Vật liệu xây dựng TP.HCM, Tổng Thư ký Hiệp hội các Doanh nghiệp Khu công nghiệp TP.HCM. Với những thành tích xuất sắc của mình, Ông Tâm đã được Nhà nước khen thưởng Huân chương Lao động hạng 2 và hạng 3.



Ông ĐẶNG NHỨT

Thành viên Hội đồng Quản trị

Là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ năm 2007 đến nay. Ông Nhứt là Kỹ sư Thủy lâm, Luật sư, Thạc sĩ QTKD. Từ 1972 đến nay, Ông Nhứt đảm nhận nhiều chức vụ quản lý điều hành trong nhiều lĩnh vực khác nhau: Lâm ngư nghiệp, Thanh niên xung phong, đầu tư nước ngoài, khu công nghiệp. Ông hiện đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng trong Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn: Chủ tịch HĐQT Công ty CP KCN Sài Gòn – Bình Phước, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept - Nhơn Hội, Tổng Giám đốc Công ty CP KCN Sài Gòn - Nhơn Hội, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn...



Ông NGUYỄN VĂN THỌ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ năm 2002 đến nay. Ông Thọ là Kỹ sư Hàng hải, Cử nhân Kinh tế, Ông Thọ có trên 12 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành trong lĩnh vực khu công nghiệp, tài chính. Ông Thọ hiện là Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Việt, Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Hàm Tân, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm.

**Ông CHUNG TRÍ PHONG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ năm 2002 đến nay. Ông Phong là Kiến trúc sư, có 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực khu công nghiệp, khu đô thị. Ông Phong hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc, thành viên HĐQT nhiều công ty trong Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP. Du lịch Sài Gòn – Hàm Tân.

**Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Là Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty từ tháng 08/2005 đến nay. Bà Hương là Tiến sĩ Khoa học kinh tế, Thạc sĩ QTKD. Bà Hương có trên 15 kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, khu công nghiệp. Hiện nay, Bà Hương kiêm nhiệm nhiều vị trí quản lý trong Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc, Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Kinh Bắc.



LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ông HOÀNG SĨ HÓA – Tổng Giám đốc

Giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/06/2010 đến nay. Ông Hóa là Thạc sĩ QTKD, Thạc sĩ Viễn thông. Ông Hóa có trên 16 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực viễn thông, CNTT. Ông hiện kiêm nhiệm điều hành Công ty CP Cơ Điện tử - Tin học Cholimex.

Ông NGUYỄN ĐỒNG – Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc từ tháng 10/2009 cho đến nay. Ông Đồng là Cử nhân CNTT Đại học Carleton – Canada. Ông Đồng có gần 10 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực phần mềm. Từ năm 2006, ông Đồng gia nhập SAIGONTEL và đảm nhiệm phụ trách Phòng phát triển sản phẩm chiến lược, trực tiếp xây dựng và phát triển mảng Trò chơi Trực tuyến.

Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem phần HĐQT

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Bà NGÔ THỊ PHƯƠNG THỦY – Trưởng Ban Kiểm soát

Là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty năm 2007 đến nay. Bà Thủy là Cử nhân Kinh tế, có trên 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kế toán, kiểm toán. Bà Thủy hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây Dựng Sài Gòn, Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Việt, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Bảo hiểm Bảo Tín.

Ông NGUYỄN VĂN XUÂN – Thành viên Ban Kiểm soát

Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2007. Ông Xuân là Cử nhân Kinh tế, có trên 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kế toán, kiểm toán. Hiện nay, Ông Xuân là Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch Sài Gòn Hàm Tân, Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Việt.

Ông LÊ CHÍ CƯỜNG – Thành viên Ban Kiểm soát

Là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty từ năm 2007. Ông Cường là Cử nhân Kinh tế, có trên 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành kế toán, kiểm toán. Hiện nay, Ông Cường là Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Trường Đại học Hùng Vương.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2010

Năm 2010, Công ty không có thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đến tháng 12/2010, trong Ban Tổng Giám đốc, Công ty có sự thay đổi nhân sự.

HĐQT chấp thuận cho Bà Đặng Thị Hoàng Phượng được thôi chức Tổng Giám đốc Công ty theo nguyện vọng. HĐQT đề bạt và bổ nhiệm Ông Hoàng Sĩ Hóa giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ tháng 06/2010. Đồng thời, HĐQT miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Minh Tuyên và ông Huỳnh Ngọc Huy.



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2010 VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CÔNG TY

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm **31/12/2010** là: **165 CB-NV**, trong đó:

- Số lượng CB-NV làm việc tại trụ sở Công ty là: **128 CB-NV**.
- Số lượng CB - NV làm việc tại các Chi nhánh và Văn phòng đại diện là: **37 CB-NV**.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

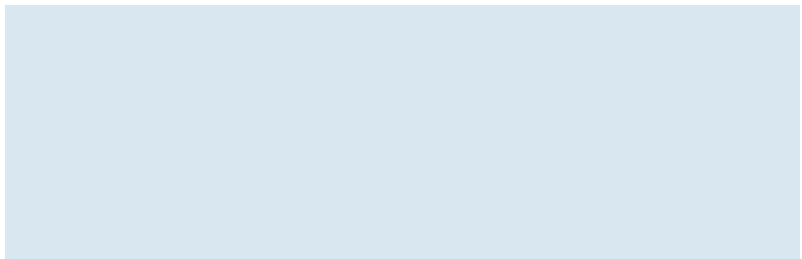
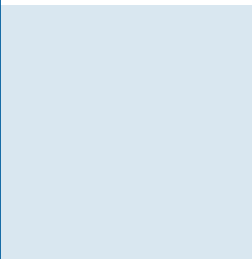
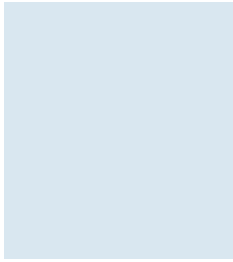
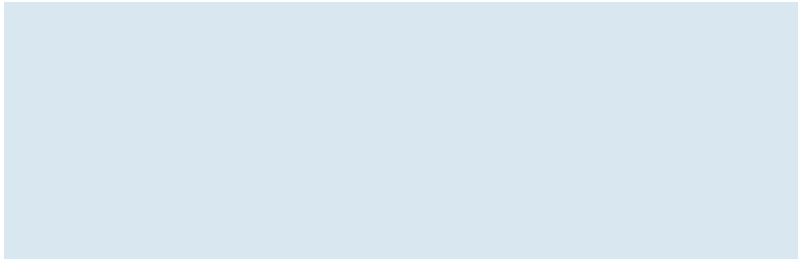
Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty luôn xem CB - NV là tài sản quý giá của doanh nghiệp, là một trong những nhân tố giúp doanh nghiệp phát triển cũng như đạt được các mục tiêu kinh doanh. Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để làm được điều đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Phòng vấn, đánh giá nhân sự và lựa chọn nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc.
- Bố trí nhân sự đúng người, đúng việc.
- Thường xuyên tổ chức đào tạo và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho CB - NV. Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên đăng ký tham gia vào các khóa đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn để nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ.
- Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật và nội quy, quy định của Công ty trong suốt quá trình làm việc.
- Luôn lắng nghe ý kiến của các nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện; Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động, các sự kiện vui chơi tập thể nhằm tạo tinh thần đoàn kết, giao lưu học hỏi giữa các CB - NV với nhau.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Lương, thưởng và các chế độ phúc lợi cho CB - NV là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty vì nó gắn liền và quan hệ mật thiết với chính sách nhân sự của Công ty.
- Hàng năm, Ban lãnh đạo Công ty đều họp xét và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình nhân sự, thành tích đóng góp của từng CB - NV để có những chính sách tăng lương, thưởng phù hợp và công bằng.
- Về các chính sách lương, thưởng và phúc lợi xã hội, Công ty luôn tuân thủ theo những quy định của Pháp luật trong suốt quá trình vận hành. Mức lương cơ bản làm cơ sở để thực hiện các chế độ về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp công ty áp dụng luôn lớn hơn so với mức lương cơ bản do Nhà nước quy định.
- Công ty tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/7 cho toàn thể CB - NV. Đây là một chế độ phúc lợi đặc biệt đang được Pháp luật khuyến khích.
- Hàng năm, Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở tổ chức cho CB - NV đi nghỉ mát, tham quan du lịch, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB - NV Công ty.
- Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thường xuyên tổ chức thăm hỏi CB - NV gặp khó khăn, ốm đau.







THÔNG TIN CỔ ĐÔNG THÀNH VIÊN GÓP VỐN và QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị	62
Ban Kiểm soát	62
Thù lao thành viên HĐQT và Ban kiểm soát	62
Những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ Cổ phần của cổ đông nội bộ và người có liên quan	63
Các dữ liệu thống kê về cổ đông chốt ngày 24/03/2011	64

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Cơ cấu của HĐQT

Gồm **05** thành viên, trong có **04** thành viên không điều hành gồm:

Ông ĐẶNG THÀNH TÂM	Chủ tịch
Ông ĐẶNG NHỨT	Thành viên
Ông NGUYỄN VĂN THỌ	Thành viên
Ông CHUNG TRÍ PHONG	Thành viên

và **01** thành viên kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc (phụ trách các hoạt động ở các tỉnh phía Bắc) là :

Bà **NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

Hoạt động của HĐQT

Hội đồng Quản trị hàng quý đều có cuộc họp thường kỳ nhằm thông báo tình hình hoạt động kinh doanh và sớm đưa ra những hướng giải quyết kịp thời cũng như những điều chỉnh phù hợp cho sự phát triển chung của Công ty. Tuy nhiên, các cuộc họp bất thường cũng thỉnh thoảng được triệu tập nhằm kịp thời thông qua các quyết định đầu tư, quyết định góp vốn liên doanh hay thành lập các công ty trực thuộc. Chương trình nghị sự các cuộc họp là: chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các quyết định đầu tư, các chủ trương lớn... Các thành viên HĐQT đã thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, tầm nhìn chiến lược đúng đắn và đưa ra quyết định kịp thời trong quá trình lãnh đạo Công ty. Riêng Chủ tịch HĐQT, người chèo lái cho sự phát triển vững mạnh của Công ty hàng tuần dù lịch làm việc rất bận rộn nhưng Chủ tịch cũng đều cố gắng thu xếp làm việc với Ban Điều hành, trực tiếp chỉ đạo các hoạt động. Với uy tín cá nhân của mình, Chủ tịch HĐQT thường xuyên làm việc với lãnh đạo các cấp, với các đối tác trong và ngoài nước và thu hút được nhiều dự án lớn về cho Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu của Ban Kiểm soát

Gồm **03** thành viên:

Bà NGÔ THỊ PHƯƠNG THỦY	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông NGUYỄN VĂN XUÂN	Thành viên
Ông LÊ CHÍ CƯỜNG	Thành viên

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, hoạt động điều hành Công ty. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp thường kỳ để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

THÙ LAO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT) VÀ BAN KIỂM SOÁT

Năm 2010, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không nhận thù lao, phụ cấp từ Công ty.



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phiếu năm giữ của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Stt	Chức danh	Tên người sở hữu chứng khoán	Số ĐKNSH	Địa chỉ	SLCK sở hữu	Tỷ lệ năm giữ
1.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	ĐẶNG THÀNH TÂM Chủ tịch HĐQT	022756956	6/35D Bình Khánh 3, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM.	17.530.370	23,69%
2.		NGUYỄN VĨNH THỌ	022238921	498 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM	164.450	0,22%
3.		NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	011613120	Số 41 Ngõ Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Hà Nội	32.890	0,04%
4.		ĐẶNG NHỨT	020235230	535/9 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Tp.HCM	32.890	0,04%
5.		CHUNG TRÍ PHONG	022834850	107 Đường Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	13.156	0,02%
6.	BAN GIÁM ĐỐC	HOÀNG SĨ HÓA Tổng Giám đốc	023501333	27/19 Đường K22, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp.HCM	26.312	0,04%
7.		NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	011613120	Số 41 Ngõ Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Hà Nội	32.890	0,04%
8.		NGUYỄN ĐỒNG	022863774	246 Hoàng Hoa Thám, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	16.500	0,02%
9.	KẾ TOÁN TRƯỞNG	LÊ THỊ MỸ HẠNH	023174390	88/24/4 Phan Sào Nam, Phường 11, Quận Tân Bình, Tp.HCM	13.156	0,02%
10.	BAN KIỂM SOÁT	NGÔ THỊ PHƯƠNG THỦY Trưởng Ban Kiểm soát	250344413	Nghĩa Hiệp II, Kado, Đơn Dương, Lâm Đồng	21.378	0,03%
11.		NGUYỄN VĂN XUÂN	225037100	Xã Vĩnh Lương, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	821	0,00%
12.		LÊ CHÍ CƯỜNG	260549551	287/11/11A Thành Công, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM	821	0,00%

Bảng : Tỷ lệ năm giữ cổ phiếu của cổ đông đặc biệt

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY: 22/03/2011

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 22/03/2011

Stt	Danh mục	Giá trị (1.000đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Trong nước	64.014.726	86,50	1.734
	Trong đó:	42.623.947	57,60	16,90
	• Cá nhân	21.390.779	28,90	44
2	Nước ngoài	9.987.188	13,50	180
	Trong đó:	9.358.309	12,65	167
	• Cá nhân	628.879	0,85	13
Cộng		74.001.914	100,00	1.914

Bảng: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm ngày 22/03/2011

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân / địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (Nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	ĐẶNG THÀNH TÂM	022756956	6/35D Bình Khánh 2, Phường Bình An, Quận 2, Tp. HCM	17.530.370	175.303.700.000	23,69
2	Công ty CP Phát triển Đô thị Kinh Bắc	2103000012	Khu Công nghiệp Quế Võ, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	15.896.923	158.969.230.000	21,48
	Đại diện: ĐẶNG NHỨT	020235230	272/1 Nguyễn Tiểu La, Phường 8, Quận 10, Tp. HCM			
3	NGUYỄN THỊ KIM XUÂN	IS8955	69 Bà Huyện Thanh Quan, Hà Nội	7.452.178	74.521.780.000	10,07
4	PHẠM THỊ LÊ	082079530	371/17 Hai Bà Trưng, Phường 8, Quận 3, Tp.HCM	3.723.654	37.236.540.000	5,03
Tổng cộng				44.603.125	446.03.12.50.000	60,27

Bảng: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ đông lớn trở lên



TRÁCH NHIỆM SAIGONTEL VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG TRONG NĂM 2010

Với tinh thần “Lá lành đùm lá rách”, bên cạnh việc tiếp tục phát huy xây dựng hình ảnh Công ty, quyết tâm trở thành Công ty đi đầu trong lĩnh vực viễn thông, CNTT tại Việt Nam, SAIGONTEL còn mong muốn đưa thương hiệu của mình đến với cộng đồng là một Công ty không chỉ có những đóng góp cho sự phát triển chung của kinh tế đất nước mà còn có trách nhiệm cao đối với cộng đồng, xã hội.

Trong năm 2010 vừa qua, SAIGONTEL đã có những đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội của Thành phố trong công tác xã hội hóa vì người nghèo thông qua việc tài trợ và kêu gọi sự đóng góp của toàn thể CB - CNV, ủng hộ các chương trình từ thiện mang đến những niềm vui, hạnh phúc cho những mảnh đời còn nhiều khó khăn trong cuộc sống. Cụ thể: khi cơn lũ hoành hành ở miền Trung Việt Nam, SAIGONTEL là đơn vị tiên phong nhanh chóng huy động sự đóng góp của các nhân viên công ty như tiền, lương thực, quần áo... với số tiền lên đến gần cả trăm triệu đồng và đại diện Công ty đã tự tay mang đến trao trực tiếp cho người dân vùng lũ đang trong cảnh màn trời chiếu đất...

Ngoài ra, trong năm qua, SAIGONTEL cũng đã tài trợ nhiều tỷ đồng cho các chương trình như:

1. Tài trợ 2 tỷ cho Quỹ bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM.
2. Tài trợ 2 tỷ cho chương trình “Cứu trẻ em bệnh tim bẩm sinh”.
3. Tài trợ 10.000 USD cho Hội thảo Quốc tế và Phiên họp Ban Điều hành Hội cựu sinh viên AIT lần thứ 39 tại Hà Nội, Việt Nam.
4. Tài trợ 250 áo gió cho chiến dịch Mùa hè xanh của Đại học Hùng Vương.
5. Tài trợ một phần kinh phí để tổ chức Lễ trao giải “Huy chương Vàng & Top 5 ICT Việt Nam 2010”
6. SAIGONTEL góp vốn vào Trường Đại học Hùng Vương với mong muốn đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục của Trường theo phương châm “bắt vụ lợi”.







PHỤ LỤC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 03 tháng 07 năm 2009) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

2. Hình thức sở hữu vốn: cổ phần

Tổng vốn điều lệ của Công ty là: **672.749.980.000 VNĐ**

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2010 là: **740.019.140.000 VNĐ**

3. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ.

4. Công ty con

Tổng số các Công ty con: 03 đơn vị

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 đơn vị

Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực Tuyến Cộng Đồng Việt

Địa chỉ: 65-65A Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 22.000.000.000 VNĐ chiếm 55% vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích thực tế của công ty mẹ: 55%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%

Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam

Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 211.852.526.369 VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 124.800.000.000 VNĐ chiếm 60% vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích thực tế của công ty mẹ: 65,41%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65,41%

Số lượng các Công ty con chưa được hợp nhất: 01 đơn vị (mới được thành lập, đang trong giai đoạn triển khai hoạt động).

Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - SaigonTel

Địa chỉ: 34 Phan Đình Phùng, Quận Thánh, Ba Đình, Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VNĐ, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 81.600.000.000 VNĐ chiếm 51% vốn điều lệ.

5. Tổng số nhân viên đến cuối năm

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty: 165 người.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và Chuẩn mực số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật Ký Chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con quan trọng. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con được hợp nhất áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con.

Công ty thanh lý toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt (là Công ty con quan trọng được hợp nhất) vào ngày 30/04/2010, do đó trên báo cáo tài chính hợp nhất niên độ kết thúc ngày 31/12/2010 chỉ phản ánh kết quả kinh doanh của Công ty con từ ngày đầu năm đến ngày thanh lý, cộng với thu nhập từ thanh lý công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh, trong phạm vi Thông tư 203/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
Phần mềm máy vi tính	05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

7.1 Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2 Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc & quyền sử dụng đất: 8 - 44 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con không được hợp nhất, được phản ánh trên báo cáo tài chính theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại

Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại thể hiện khoản phát sinh từ việc mua các công ty con và công ty liên kết, là khoản khác biệt giữa số tiền phải thanh toán cho việc mua công ty con và công ty liên kết và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty này.

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: Công ty căn cứ vào cách thức thu hồi lợi ích kinh tế trong tương lai do lợi thế thương mại đem lại để phân bổ cho phù hợp. Lợi thế thương mại ghi nhận trong năm chưa tạo ra lợi ích kinh tế, nên Công ty sẽ phân bổ lợi thế thương mại khi lợi thế thương mại tạo ra lợi ích kinh tế có thể thu hồi được.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí ban đầu của dự án, sửa chữa lớn, chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn (công cụ dụng cụ) phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn: chi phí hoạt động, chi phí bản quyền games phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí tiền điện, tiền nước, tiền lương, lãi vay phải trả và các chi phí phải trả khác.

Đối với hoạt động cho thuê đất: chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

Giá vốn hoạt động cho thuê đất	Diện tích đất cho thuê trong kỳ	X	Giá vốn/1m² đất cho thuê theo dự toán đầu tư	X	Tỷ lệ (%) ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng
---------------------------------------	--	----------	--	----------	---

Trong đó: Đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn là 370.000 đ/m² diện tích đất thương phẩm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động chưa hoàn thành đầu tư).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn...).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Đối với Văn phòng công ty

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2002 đến 2012, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 06 (sáu) năm kể từ năm 2004 đến năm 2009.

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm, thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Năm 2010 là năm thứ 5 được miễn 50% thuế TNDN.

Đối với Chi Nhánh Bắc Ninh

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 25%.

Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 04 (bốn) năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 (chín) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm đến 2018).

Chi nhánh đã chọn phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm, do vậy theo quy định tại Tiết Điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) cho số năm bên thuê trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

Đối với hoạt động kinh doanh nhà xưởng tại Chi Nhánh Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2017), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm (từ năm 2006 đến năm 2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2015).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối với Chi Nhánh Tân Tạo

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Đối với Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực Tuyến Công Đồng Việt

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Đối với Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

18. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2010: 18.932 VNĐ/USD.

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“VAS10”) liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ, và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Nghiệp vụ

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ.

Xử lý kế toán theo VAS 10

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Xử lý kế toán theo Thông tư 201

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục Vốn chủ sở hữu, và sẽ được ghi giảm trong kỳ tiếp theo.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở phần thuyết minh số 4.

19. Báo cáo bộ phận

Công ty xác định bộ phận kinh doanh dựa trên thị trường, theo đó có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế trong từng thị trường. Trong các giai đoạn báo cáo này, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu: báo cáo bộ phận kinh doanh theo bốn loại sản phẩm chính: doanh thu bán nhà xưởng và cho thuê mặt bằng, doanh thu kinh doanh games, doanh thu bán thẻ cào điện thoại và doanh thu cung cấp hàng hóa & dịch vụ khác. Và báo cáo bộ phận thứ yếu: báo cáo bộ phận theo địa lý: hoạt động sản xuất kinh doanh tại Tp.Hồ Chí Minh, Bắc Ninh & Đà Nẵng.

20. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	01/01/2010
Tiền	6.436.158.974	449.394.384.803
Tiền mặt	2.087.657.071	2.465.268.118
Tiền gửi ngân hàng	4.348.501.903	425.769.116.685
Các khoản tương đương tiền	-	21.160.000.000
CỘNG	6.436.158.974	449.394.384.803

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Đầu tư ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn (1)	6.674.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Sài Gòn (2)	32.918.291.667	-
Cộng	39.592.291.667	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
TỔNG CỘNG	39.592.291.667	-

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

(1) Cho vay theo Hợp đồng vay thỏa thuận số 0126/HD-SGT.10 ký ngày 26/01/2010 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn, thời gian cho vay 12 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay 13.5%/năm đến ngày 26/10/2010 và từ ngày 27/10/2010 với lãi suất cho vay 17%/năm.

(2) Cho vay theo Hợp đồng vay thỏa thuận số 0211/HD-SGT.10 ký ngày 21/02/2010 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn với Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn, thời gian cho vay 12 tháng và lãi suất cho vay 17%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	25.133.304.873	18.675.116.660
Khách hàng trong nước	25.133.304.873	18.675.116.660
Trả trước tiền cho người bán	84.926.420.094	50.268.504.183
Nhà cung cấp trong nước	84.926.420.094	50.268.504.183
Các khoản phải thu khác	400.191.253.977	184.001.525.291
Công ty CP Xây dựng Sài Gòn	237.893.455	-
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	3.858.280.175	-
(1) Nguyễn Thị Thanh Loan	104.299.016.185	-
(2) Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện	31.690.000.000	-
(3) Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Kinh Bắc	91.253.091.517	59.553.091.517
Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3.919.091.328	3.919.091.328
(4) Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam	120.000.000.000	120.000.000.000
(5) Công ty CP Tư vấn Đầu tư & CGCN Viễn Đông	39.452.554.337	-
Các đối tượng khác	5.481.326.980	529.342.446
TỔNG CỘNG	510.250.978.944	252.945.146.134
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	510.250.978.944	252.945.146.134

(1) Khoản cho mượn theo Thỏa thuận cho mượn vốn số 1127/2010/TTMV-SGT giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn với Bà Nguyễn Thị Thanh Loan, hạn mức cho vay là 110.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0%/năm và thời gian cho mượn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(2) Khoản thanh toán cho Tổng Công ty Truyền thông Đa Phương Tiện (VTC) theo Hợp đồng hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC-SaigonTel số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010.

(3) Khoản thu chi hộ cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc.

(4) Khoản góp vốn theo biên bản thỏa thuận số 01/BBTT-07 về hợp tác đầu tư xây dựng, khai thác khu trung tâm, văn phòng và nhà ở cao cấp tại 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh giữa Công ty Kinh doanh Hàng Thời trang Việt Nam và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, dự án đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục pháp lý.

(5) Khoản phải thu Công ty Tư Vấn Đầu tư & CGCN Viễn Đông tiền chuyển giao Dự án Tòa nhà Viễn Đông Meridian Tower (Đà Nẵng).

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
Nguyên liệu, vật liệu	19.571.021.631	38.186.402
Chi phí SX, KD dở dang	656.556.365	656.556.365
Hàng hoá	2.086.000	252.551.210.014
CỘNG GIÁ GỐC HÀNG TỒN KHO	20.229.663.996	253.245.952.781
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
CỘNG GIÁ TRỊ THUẦN HÀNG TỒN KHO	20.229.663.996	253.245.952.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.758.049.859	529.427.063
Số đầu kỳ	529.427.063	188.295.202
Phát sinh trong kỳ	9.256.676.138	1.265.722.795
Trừ: Kết chuyển chi phí trong kỳ	4.028.053.342	924.590.934
Số cuối kỳ	5.758.049.859	529.427.063
Thuế GTGT được khấu trừ	11.196.673.545	30.339.133.762
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	11.196.673.545	30.339.133.762
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	5.832.237.569	-
Thuế TNDN nộp thừa	5.832.122.510	-
Các khoản thuế khác phải thu Nhà nước	115.059	-
Tài sản ngắn hạn khác	151.098.611.797	6.196.627.164
Tạm ứng	1.098.611.797	3.716.442.868
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000.000	2.480.184.296
TỔNG CỘNG	173.885.572.770	37.065.187.989

6. Tài sản cố định hữu hình. Xem thuyết minh tại trang 95

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	1.557.922.812	-	1.557.922.812
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	1.540.350.202	-	1.540.350.202
Số dư cuối năm	-	17.572.610	-	17.572.610
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	287.461.375	-	287.461.375
Khấu hao trong năm	-	5.857.548	-	5.857.548
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	278.186.924	-	278.186.924
Số dư cuối năm	-	15.131.999	-	15.131.999
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	1.270.461.437	-	1.270.461.437
Số dư cuối năm	-	2.440.611	-	2.440.611



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
Dự án Nhà xưởng tại KCN Tân Phú Trung	68.365.486.443	64.668.146.617
Dự án Công viên phần mềm Thủ Thiêm	4.083.310.632	4.079.049.203
Dự án Khu Resort Kon Plong	180.547.770	177.669.589
Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành	1.477.762.487	1.476.117.487
Dự án Toàn nhà ICT 2	219.665.455	219.665.455
Dự án Viễn thông KCN Quang Châu	996.641.288	-
Dự án KCN Công nghệ cao Đại Đồng - Hoàn Sơn	224.269.814.093	202.103.831.576
Dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng	4.717.800.010	2.493.187.667
XD cơ bản khu đô thị mới Bắc Tân Lập	12.000.000	12.000.000
Dự án Tòa tháp Viễn Đông Meridian Tower	372.874.091.937	-
TỔNG CỘNG	677.197.120.115	275.229.667.594

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	13.343.642.087	-	13.343.642.087
Quyền sử dụng đất	-	4.470.073.306	-	4.470.073.306
Nhà cửa	-	8.873.568.781	-	8.873.568.781
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	201.798.107	-	201.798.107
Quyền sử dụng đất	-	53.905.299	-	53.905.299
Nhà cửa	-	147.892.808	-	147.892.808
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	13.141.843.980
Quyền sử dụng đất	-	-	-	4.416.168.007
Nhà cửa	-	-	-	8.725.675.973
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Nguyên giá bất động sản đầu tư tăng thêm do đầu tư xây dựng hình thành bất động sản phục vụ mục đích kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON		5.000.000.000		162.360.000.000
1. Công ty CP Truyền thông VTC-SAIGONTEL	500.000	5.000.000.000	3.169.000	31.690.000.000
Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam	-	-	9.067.000	130.670.000.000
ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC		782.862.025.000		500.340.525.000
2. Công ty CP ĐTXD & VLXD SG	-	-	500.000	5.000.000.000
3. Công ty CP ĐTPT Trường ĐH Hùng Vương	-	-	500.000	5.000.000.000
4. Ngân hàng TMCP Phương Tây	18.810.000	302.100.000.000	9.405.000	208.050.000.000
5. Công ty CP ĐTPT NM điện SG Bình Thuận	12.725.000	203.600.000.000	-	-
6. Công ty CP ĐT & PT HT KCN Cao Sài Gòn	2.881.200	28.812.000.000	2.100.000	21.000.000.000
7. Công ty CP Địa ốc Nam Việt	500.000	5.000.000.000	-	-
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn	5.700.000	220.000.000.000	5.700.000	220.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Việt Sô	37.500	4.880.025.000	37.500	4.880.025.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Bản Việt	150	15.000.000.000	150	15.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		3.470.000.000		21.410.500.000
Ủy thác đầu tư		-		20.410.500.000
8. Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn VINA		2.550.000.000		1.000.000.000
9. Trường ĐHDL Hùng Vương		920.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		-
CỘNG		787.862.025.000		662.700.525.000

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

(1) Công ty góp vốn đầu tư thành lập Công ty CP Truyền thông VTC - SaigonTel cùng với Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện. Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty đã góp khoản đầu tư trị giá 5.000.000.000 đồng. Khoản giảm do điều chỉnh vốn góp đầu tư dài hạn sang khoản phải thu khác.

(2) Chuyển nhượng 500.000 CP cho ông Nguyễn Sơn, giá chuyển nhượng 50.000đ/CP, tổng giá trị chuyển nhượng là 25.000.000.000đ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28/06/2010.

(3) Chuyển nhượng 500.000 CP cho ông Nguyễn Sơn, giá chuyển nhượng 50.000đ/CP, tổng giá trị chuyển nhượng là 25.000.000.000đ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24/06/2010.

(4) Góp vốn bổ sung do Ngân hàng tăng vốn điều lệ, số lượng 9.405.000 CP, giá 10.000đ/CP, tổng giá trị vốn góp là 94.050.000.000đ theo Thông báo quyền mua cổ phần ngày 15/07/2010 của NH TMCP Phương Tây.

(5) Đầu tư hợp tác chiến lược, số lượng 12.725.000 CP, giá 16.000đ/CP, tổng giá trị đầu tư là 203.600.000.000đ theo hợp đồng đăng ký mua cổ phần với Cty CP ĐTPT Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận số 0106/HĐ ngày 26/06/2010.

(6) Góp vốn theo Thông báo số 01-2010/DN-CNCSG ngày 28/06/2010 và Thông báo số 05-2010/DN-CNCSG ngày 21/07/2010 của Công ty CP ĐT & PT HT KCN Cao SG, số lượng 781.200 CP, giá 10.000đ/CP, tổng giá trị góp vốn là 7.812.000.000.000đ.

(7) Góp vốn cổ đồng sáng lập theo tiến độ, số lượng 500.000 CP, giá 10.000đ/CP, tổng giá trị góp vốn đến 31/12/2010 là 5.000.000.000đ theo Thông báo số 03/CV/VDL-TCKT ngày 25/03/2010 của Công ty CP Địa ốc Nam Việt.

(8) & (9) Góp vốn đầu tư dài hạn theo tiến độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Đến ngày 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vì những lý do sau:

Tên công ty đầu tư dài hạn

- Công ty CP ĐTPTNM điện Sài Gòn - Bình Thuận
- Ngân hàng TMCP Phương Tây
- Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn
- Công ty CP Địa ốc Nam Việt
- Công ty CP ĐT & PT HT KCN Cao Sài Gòn
- Công ty CP Quản lý quỹ Bản Việt
- Công ty CP Đầu tư Việt Số

Lý do

- Cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng
- Cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng
- Công ty niêm yết, giá trị thị trường ngày 31/12/2010 cao hơn giá trị sổ sách
- Các khoản đầu tư với mục tiêu dài hạn vào các công ty này. Công ty chỉ lập dự phòng khi các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả của các công ty được đầu tư này bị lỗ.

11. Lợi thế thương mại

	31/12/2010	01/01/2010
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	53.480.790.652	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	53.480.790.652	-

12. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước dài hạn	12.944.728.739	40.287.137.084
Chi phí dự án Telecom	4.949.100.008	3.556.009.582
Chi phí công cụ dụng cụ	707.664.153	166.020.801
Chi phí phân bổ games	6.939.569.208	6.170.584.593
Chi phí phân bổ dài hạn khác	-	30.394.522.108
Chi phí trả trước về thuê tài sản hoạt động	348.395.370	-
Tài sản dài hạn khác	49.198.250	708.930.554
Ký quỹ ký cược dài hạn	49.198.250	708.930.554
+ Taxi Mai Linh	10.000.000	20.000.000
+ Cty TNHH SX DV Vạn Thành	1.000.000	1.000.000
+ Cty LD KCN Việt Nam - Singapore	38.198.250	38.198.250
+ Đặt cọc thuê nhà	-	649.732.304
TỔNG CỘNG	12.993.926.989	40.996.067.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	281.447.276.330	21.000.000.000
+ Công ty CP ĐT & PT HT KCNC Sài Gòn (1)	28.812.000.000	21.000.000.000
+ Công ty CP ĐT Sài Gòn - Đà Nẵng (2)	102.635.276.330	-
Hợp đồng 01-2010/HĐVV (2a)	94.050.000.000	-
Hợp đồng 01/2009/VDL-SDN (2b)	8.585.276.330	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Tây (3)	150.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.737.541.385	20.969.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	-	5.424.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Việt	7.444.444.444	5.250.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Tây	10.293.096.941	10.295.000.000
TỔNG CỘNG	299.184.817.715	41.969.000.000

(1) Khoản vay của Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn theo các hợp đồng vay số 14-2009/HĐVV, 05-2010/HĐVV và 09-2010/HĐVV & các phụ lục gia hạn số 11/14-2009/HĐVV, 01/05-2010/HĐVV và 01/09-2010/HĐVV ngày 04/01/2011, lãi suất 0,01%/ tháng, ngày đáo hạn 28/02/2011.

(2a) Vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Nẵng theo các hợp đồng vay số 01-2010/HĐVV ngày 15/08/2010. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 13%/năm.

(2b) Vay ngắn hạn theo hợp đồng vay số 01/2009/VDL-SDN của Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Nẵng ngày 12/08/2009 & phụ lục gia hạn ngày 01/12/2009. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất là 1%/tháng, lãi suất cho vay được thả nổi và điều chỉnh theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nam Việt tại thời điểm điều chỉnh bằng các phụ lục hợp đồng kế tiếp.

(3) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Tây, theo hợp đồng tín dụng số 0312/2010/HĐTD-DN, ngày 02 tháng 12 năm 2010. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 17%/năm

14. Phải trả người bán

	31/12/2010	01/01/2010
Nhà cung cấp trong nước	24.696.966.871	347.830.632.600
Nhà cung cấp ngoài nước	1.487.194.385	666.971.744
TỔNG CỘNG	26.184.161.256	348.497.604.344

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2010	01/01/2010
Người mua trả tiền trước	20.419.506.660	4.974.410.929
TỔNG CỘNG	20.419.506.660	4.974.410.929

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng	291.300	7.920.057.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.214.344.385	4.286.144.101
Thuế thu nhập cá nhân	122.952.794	107.385.001
Các loại thuế khác	41.582.878	27.228.462
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	858.767
TỔNG CỘNG	4.379.171.357	12.341.673.680



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
Trích trước chi phí lãi vay	15.018.807.571	8.320.309.792
Trích trước chi phí bản quyền game	156.924.887	366.990.939
Trích trước giá vốn hoạt động cho thuê đất và chuyển nhượng QSDĐ	227.716.990.914	205.268.732.803
Chi phí phải trả khác	337.562.400	658.877.408
TỔNG CỘNG	243.230.285.772	214.614.910.942

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	7.788.460	7.342.200
Bảo hiểm xã hội	29.823.953	21.439.046
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.105.502.744	220.582.884
Ông Nguyễn Sơn (*)	36.078.625.000	-
Đối tượng khác	26.877.744	220.582.884
TỔNG CỘNG	36.143.115.157	249.364.130

(*) Khoản vay theo Thỏa thuận chi mượn vốn giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn với ông Nguyễn Sơn ký ngày 18/11/2010 với hạn mức cho vay là 45.000.000.000 đồng với lãi suất là 0%/năm, thời gian cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

19. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.027.092.698	1.160.300.823
Ngân hàng TMCP Phương Tây	-	135.208.125
Ngân hàng TMCP Nam Việt	223.730.600	221.730.600
Công ty TNHH GHP FAR EAST	803.362.098	803.362.098
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	156.000.000.000	156.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định (*)	156.000.000.000	156.000.000.000
TỔNG CỘNG	157.027.092.698	157.160.300.823

(*) Khoản hợp tác đầu tư dài hạn vào dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh và 84 Hùng Vương Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	700.179.875.674	476.767.543.545
Vay ngân hàng	400.179.875.674	197.736.543.545
+ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	-	12.216.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển CN Bắc Sài Gòn (1)	268.200.456.483	-
+ Ngân hàng TMCP Phương Tây (2)	10.292.000.000	28.823.000.000
+ Ngân hàng TMCP Nam Việt (3)	15.555.555.556	42.687.500.000
+ Ngân hàng Công Thương Quế Võ (4)	75.000.000.000	80.000.000.000
+ Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh (5)	31.131.863.635	34.010.043.545
Trái phiếu phát hành (6)	300.000.000.000	300.000.000.000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(17.737.541.385)	(20.969.000.000)
CỘNG	700.179.875.674	476.767.543.545

(1) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển CN Bắc Sài Gòn theo hợp đồng số 00313/2007/0001057 ngày 16 tháng 09 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 625.917.000.000 đồng với lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: mua quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng công trình Trung tâm thương mại, văn phòng, khách sạn, căn hộ cao cấp (Viễn Đông Meridian Tower) tại số 84 Hùng Vương, quận Hải Châu, Đà Nẵng. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời gian cho vay: 60 tháng, thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Tây theo Hợp đồng tín dụng số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM ngày 29/03/2009, trong hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VNĐ với lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ + 0,4%/tháng. Mục đích vay: Điền bù, san lấp KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian vay: 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(3) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng tín dụng số 080762/TDTH ngày 19/08/2009, trong hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 VNĐ với lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất + 6,8%/tháng. Mục đích vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng KCN Tân Phú Trung, Củ Chi. Thời gian vay: 60 tháng (ân hạn 12 phần nợ gốc). Tài sản đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay

(4) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Quế Võ theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT ngày 18 tháng 08 năm 2009, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 đồng với lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ và biên độ là 3,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng 50.000 m² nhà xưởng tại khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(5) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT ngày 11 tháng 09 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 đồng với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn giai đoạn 61,59 ha. Thời hạn 36 tháng. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(6) Công ty phát hành trái phiếu không đảm bảo bằng tài sản nhằm mục đích huy động vốn tài trợ cho dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng. Ngày 19/10/2009, Công ty đã phát hành thành công cho Ngân hàng TMCP Phương Tây với tổng số lượng trái phiếu phát hành: 300.000 trái phiếu, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/trái phiếu, thời hạn: 5 năm, lãi suất là 12,5%/năm (tiền lãi thanh toán định kỳ 1 năm/1 lần, bắt đầu sau 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2010	01/01/2010
Doanh thu cho thuê văn phòng, phí bảo vệ, dịch vụ	605.890.829	709.281.939
Doanh thu cho thuê đường truyền internet	1.345.463	19.500.002
TỔNG CỘNG	607.236.292	728.781.941

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (xem trang số 39)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	740.019.140.000	672.749.980.000
Cổ phiếu quỹ	(3.100.000)	(3.100.000)
CỘNG	740.016.040.000	672.746.880.000
* Số lượng cổ phiếu quỹ	310	310

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740.019.140.000	672.749.980.000
Vốn góp đầu năm	672.749.980.000	585.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	67.269.160.000	87.749.980.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	740.019.140.000	672.749.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	67.269.160.000	87.749.980.000

Đến ngày 31/12/2010, Công ty đã thực hiện việc tăng vốn bằng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông ngày 28/04/2010 và giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 132/2010/GCNCP-CNVSD ngày 18/08/2010, Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký giấy phép đăng ký kinh doanh với các cơ quan chức năng.

d. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.001.914	76.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.001.914	67.274.998
Cổ phiếu thường	74.001.914	67.274.998
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	310	310
Cổ phiếu thường	310	310
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.001.604	67.274.688
Cổ phiếu thường	74.001.604	67.274.688
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
Doanh thu hoạt động thương mại - dịch vụ	346.968.728.336	233.885.475.087
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	5.218.917.236	5.364.554.718
Doanh thu hoạt động cho thuê lại đất	32.356.920.544	19.772.177.700
Doanh thu hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng	21.396.588.720	123.270.900.000
CỘNG	405.941.154.836	382.293.107.505

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
Giá vốn hoạt động thương mại - dịch vụ	360.150.272.738	226.110.730.730
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	4.169.557.132	4.442.645.223
Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất	13.818.820.097	17.869.335.000
Giá vốn hoạt động bán và cho thuê nhà xưởng	7.885.294.852	48.443.013.852
CỘNG	386.023.944.819	296.865.724.805

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.323.197.452	3.296.900.950
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.212.000.000	11.724.000.000
Lãi do thanh lý công ty con	57.012.392	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu	40.000.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	120.430.646	93.253.397
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	678.246.060	-
CỘNG	61.390.886.550	15.114.154.347

4. Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
Lãi tiền vay	9.180.735.388	3.643.292.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	409.609.770	219.090.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	64.837.215	184.500.252
Lãi vay trái phiếu	24.132.631.192	9.725.874
CỘNG	33.787.813.565	4.056.608.633

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010	Năm 2009
Chi phí nhân viên quản lý	4.808.367.072	3.911.876.341
Chi phí vật liệu quản lý	1.231.116	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	868.854.767	957.783.510
Chi phí khấu hao TSCĐ	545.486.479	566.409.369
Thuế, phí và lệ phí	88.953.846	96.350.629
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.551.849.259	3.045.162.551
Chi phí bằng tiền khác	2.990.881.411	2.017.036.502
CỘNG	10.855.623.950	10.594.618.902



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thu nhập khác

	Năm 2010	Năm 2009
Thu thanh lý tài sản cố định	24.181.819	940.367.722
Thu nhập khác	2.782.073	3.549.111
CỘNG	26.963.892	943.916.833

7. Chi phí khác

	Năm 2010	Năm 2009
Giá trị còn lại của tài sản cố định	27.905.693	320.041.046
Chi phí tiền phạt vi phạm	60.168.427	1.327.370.091
Chi phí khác	-	1.765.700
CỘNG	88.074.120	1.649.176.837

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.597.695.415	85.151.259.872
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(11.085.054.558)	(19.011.217.105)
- Các khoản điều chỉnh tăng	254.375.628	105.739.600
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.339.430.186)	(19.116.956.705)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	25.512.640.857	66.140.042.767
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10% - 20% - 25%)	5.279.146.963	5.872.689.591
5. Thuế TNDN được miễn giảm	1.064.802.577	1.684.220.937
6. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	4.214.344.386	4.188.469.194

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.404.078.862	80.961.035.189
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	32.404.078.862	80.961.035.189
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	69.762.224	62.923.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	464	1.287

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính:

Không phát sinh

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo:

	Từ 01/01/2010 đến 30/04/2010
Tổng giá trị thanh lý	22.000.000.000
Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương bằng tiền	22.000.000.000
Số tiền và các khoản tương đương bằng tiền có thực tại công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được thanh lý	453.691.189
Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương bằng tiền trong công ty con được thanh lý trong kỳ.	
1. Tài sản ngắn hạn (trừ các khoản tiền và tương đương bằng tiền)	3.326.767.017
2. Tài sản dài hạn	38.761.358.913
3. Nợ phải trả	3.750.210.971

c) Các nhân tố không bằng tiền ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư:

Trong năm 2010, Công ty tiến hành thanh lý công ty con (Công ty Cổ Phần Trực Tuyến Cộng Đồng Việt), do đó lợi ích của cổ đông thiểu số trong công ty con tại ngày đầu kỳ, giá trị là 15.004.882.981 đồng đã được loại trừ khỏi dòng lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Đồng thời trong năm 2010, Công ty tiến hành hợp nhất công ty con (Công ty Cổ phần Địa ốc Viễn Đông Việt Nam), do đó lợi ích của cổ đông thiểu số khi hợp nhất tại ngày cuối kỳ, giá trị là 72.953.254.451 đồng đã được cộng vào dòng lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

d) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không phát sinh

2. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ:** không phát sinh

3. **Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu /(phải trả)
Bà Hoàng Thị Lan Hương	Giám đốc CN Tân Tạo	Thanh toán tiền vay	21.160.000.000	-
		Thanh toán lãi cho vay phải thu	14.106.667	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	Cổ đông	Cung cấp dịch vụ Internet	1.156.413.234	151.874.741
Công ty Cổ phần Truyền Thông VTC - SaigonTel	Công ty con	Góp vốn	5.000.000.000	5.000.000.000

4. **Ảnh hưởng của Thông tư 201 đến các báo cáo tài chính năm hiện hành**

Như đã trình bày ở thuyết minh số 18 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo VAS 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201. Ảnh hưởng như sau:

	Thông tư 201	VAS 10	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	613.408.845	-	613.408.845
Lợi nhuận chưa phân phối	34.900.740.479	35.514.149.324	(613.408.845)
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Doanh thu tài chính	-	678.246.060	678.246.060
Chi phí tài chính	-	64.837.215	64.837.215
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.045.396.798	36.658.805.643	613.408.845

5. **Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:** Xem thuyết minh tại trang 40

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. **Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Những thông tin khác

a) Thanh lý công ty con:

Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Bà Hoàng Thị Kim Hiền đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vào ngày 28/04/2010. Theo đó, Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu cổ phần trong Công ty CP Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt cho Bà Hoàng Thị Kim Hiền. Thông tin chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng: 2.200.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
- Giá bán: 10.000 đồng/CP
- Tổng trị giá giao dịch: 22.000.000.000 đồng
- Ngày chính thức chuyển giao quyền sở hữu được hai bên và Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt thống nhất là ngày 01 tháng 05 năm 2010.

Tại ngày 30/04/2010, tỷ lệ sở hữu Công ty mẹ chiếm 56,56% trong tổng nguồn vốn của Công ty CP Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt.

Trị giá tài sản thuần: 38.791.606.148 đồng

Lãi do thanh lý được phản ánh vào kết quả kinh doanh hợp nhất thời kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010: 57.012.392 đồng.

b) Giải thể chi nhánh Tân Tạo

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn số 0330/2010/BBH/HĐQT ngày 30/03/2010: quyết định giải thể Chi nhánh Tân Tạo và chuyển toàn bộ nhân sự, tài sản và công việc về Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn kể từ ngày 31/03/2010.

Chi nhánh Tân Tạo chính thức chấm dứt hoạt động vào ngày 30 tháng 06 năm 2010. Ngày 06 tháng 07 năm 2010, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Chi nhánh.

c) Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Số liệu đầu kỳ: Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện hành theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã trình bày lại các khoản sau trên bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã	BCĐKT 31/12/2010	BCĐKT 01/01/2010	Chênh lệch
1) Nợ ngắn hạn	310	623.429.678.632	623.904.548.057	(474.869.425)
<i>Người mua trả tiền trước</i>	313	4.974.410.929	5.703.192.870	(728.781.941)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	323	253.912.516	-	253.912.516
2) Nợ dài hạn	330	634.656.626.309	633.927.844.368	728.781.941
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	338	728.781.941	-	728.781.941
3) Nguồn kinh phí, các quỹ khác	430	-	253.912.516	(253.912.516)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	431	-	253.912.516	(253.912.516)

Tp.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(ĐÃ KÝ)

LÊ THỊ MỸ HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ĐÃ KÝ)

HOÀNG SĨ HÓA



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	38.708.595.128	14.525.054.038	3.180.632.775	1.103.051.657	57.517.333.598
Mua trong năm	-	61.322.583	754.545.000	157.417.513	973.285.096
ĐT XDCB h. thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	83.636.363	116.948.097	1.371.346.364	163.695.430	1.735.626.254
Chuyển sang BDS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	3.522.442.701	447.316.327	445.060.879	4.414.819.907
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	38.792.231.491	11.180.882.017	4.859.207.812	979.103.721	55.811.425.041
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.599.440.782	7.030.102.417	884.507.164	807.621.513	12.321.671.876
Khấu hao trong năm	1.559.992.056	1.620.449.080	376.127.954	109.657.509	3.666.226.599
Tặng khác	-	271.422.518	-	92.040.024	363.462.542
Chuyển sang BDS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	1.046.109.486	116.488.650	140.313.385	1.302.911.521
Giảm khác	-	-	21.515.628	12.532.560	34.048.188
Số dư cuối năm	5.159.432.838	7.875.864.529	1.122.630.840	856.473.101	15.014.401.308
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	35.109.154.346	7.494.951.621	2.296.125.611	295.430.144	45.195.661.722
Số dư cuối năm	33.632.798.653	3.305.017.488	3.736.576.972	122.630.620	40.797.023.733

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.920.217.666 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không phát sinh.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Vốn chủ sở hữu

b. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	585.000.000.000	(50.000)	-	-	87.914.103.234	672.914.053.234
- Tăng vốn trong năm	87.749.980.000	(3.050.000)	-	-	-	87.746.930.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	80.961.035.189	80.961.035.189
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(87.749.980.000)	(87.749.980.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(8.920.111.247)	(8.920.111.247)
Số dư cuối năm trước	672.749.980.000	(3.100.000)	-	-	72.205.047.176	744.951.927.176
Số dư đầu năm nay	672.749.980.000	(3.100.000)	-	-	72.205.047.176	744.951.927.176
- Tăng vốn trong năm	67.269.160.000	-	-	-	-	67.269.160.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	32.404.078.862	32.404.078.862
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(67.269.160.000)	(67.269.160.000)
- Tăng khác	-	-	-	-	79.711.286	79.711.286
- Chia cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt	-	-	-	-	(5.528.000)	(5.528.000)
Số dư cuối năm nay	740.019.140.000	(3.100.000)	-	-	35.514.149.324	775.530.189.324

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28/04/2010.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

a) Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Khoản mục	Năm 2010						Năm 2009					
	Hoạt động kinh doanh game	Hoạt động cho thuê đất và bán nhà xưởng	Hoạt động bán thẻ cào điện thoại	Hoạt động cung cấp, bán hàng hóa & dịch vụ khác	Tổng cộng	Hoạt động kinh doanh game	Hoạt động cho thuê đất và bán nhà xưởng	Hoạt động bán thẻ cào điện thoại	Hoạt động cung cấp, bán hàng hóa & dịch vụ khác	Tổng cộng		
Doanh thu thuần	5.146.224.165	53.753.509.264	329.440.890.818	17.600.530.589	405.941.154.836	23.178.655.101	143.043.077.700	202.125.319.702	13.946.055.002	382.293.107.505		
Giá vốn	16.809.330.329	21.704.114.949	332.022.627.258	15.487.872.283	386.023.944.819	16.977.682.381	66.312.348.852	201.728.508.709	11.847.184.863	296.865.724.805		
Lợi nhuận gộp	(11.663.106.164)	32.049.394.315	(2.581.736.440)	2.112.658.306	19.917.210.017	6.200.972.720	76.730.728.848	396.810.993	2.098.870.139	85.427.382.700		

b) Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Khoản mục	Năm 2010			Năm 2009		
	Bắc Ninh	Đà Nẵng	Tp.HCM	Bắc Ninh	Đà Nẵng	Tp.HCM
Doanh thu thuần	53.897.240.225	10.643.282.300	341.400.632.311	143.047.809.198	-	239.245.298.307
Giá vốn	22.868.063.468	8.865.235.067	354.290.646.284	66.553.023.148	-	230.312.701.657
Lợi nhuận gộp	31.029.176.757	1.778.047.233	(12.890.013.973)	76.494.786.050	-	8.932.596.650
			19.917.210.017			85.427.382.700

“Đón đầu công nghệ
hướng tới tương lai”





TRỤ SỞ CHÍNH

Lô 46, Công viên Phần mềm Quang Trung,
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP. Hồ Chí Minh
T : (84.8) 3715 9909 | F : (84.8) 5437 1074
W: www.saigontel.com

